



Implemented by **giz** Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



German Water Partnership



TÀI LIỆU HỘI THẢO

TÌNH HÌNH CỔ PHẦN HOÁ NGÀNH NƯỚC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ KHUYẾN NGHỊ

Hà Nội, 29.11.2017

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO

Tình hình Cổ phần hóa ngành nước, kết quả nghiên cứu và khuyến nghị

Thời gian: 08h00 – 12h00 ngày 29/11/2017

Địa điểm: Phòng Ballroom, Tầng 2, Khách sạn Pan Pacific

Số 1A đường Thanh Niên, Ba Đình, Hà Nội.

Thời gian	Nội dung	Trình bày
8h00 – 8h30	Đăng ký đại biểu	VWSA
8h30 – 8h35	Giới thiệu đại biểu	VWSA
8h35 – 8h45	Phát biểu khai mạc	- Ông Cao Lại Quang – Chủ tịch VWSA
8h45-8h55	Phát biểu chào mừng	- Đại diện Các đối tác Hợp tác phát triển
1.8h55 – 9h30	Báo cáo nghiên cứu đánh giá cổ phần hóa ngành cấp thoát nước tại Việt Nam và các đề xuất kiến nghị	Ông Nguyễn Tiến Thòa – Nguyên Cục trưởng Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính
9h30 – 9h45	Tham luận của Công ty CP Cấp thoát nước và Môi trường Bình Dương	Ông Nguyễn văn Thiên, Chủ tịch
9h45 – 10h00	Tham luận của Cty Cổ phần Cấp nước Thái Bình	Đại diện lãnh đạo cty
10h00 – 10h15	Tham luận của Cty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh	Đại diện lãnh đạo cty
10h15 – 10h30	<i>Giải lao</i>	
10h30 – 10h45	Tham luận của Cty Cổ phần Cấp Thoát nước Ninh Bình	Đại diện lãnh đạo cty
10h45 – 11h20	Thảo luận	Tất cả các đại biểu
11h20 – 11h50	Ý kiến các Bộ / Ngành	Đại diện các Bộ / Ngành / Ban
11h50 – 12h00	Kết luận	Ông Cao Lại Quang – Chủ tịch VWSA
12h00 – 13h30	<i>Ăn trưa</i>	<i>Tất cả các đại biểu</i>

HỘI CẤP THOÁT NƯỚC VIỆT NAM



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỔ PHẦN HÓA TRONG LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC SINH HOẠT ĐÔ THỊ

+ Báo cáo được thực hiện bởi:

- Ths. Nguyễn Tiến Thỏa -Phó chủ tịch, Tổng Thư ký Hội Thẩm định giá Việt Nam, nguyên Chuyên viên cao cấp, Cục trưởng Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính.
 - Phạm Minh Thụy, Trưởng phòng, Viện Kinh tế - tài chính, Bộ Tài chính.
- + Với sự hỗ trợ, phối hợp của:** Hội cấp thoát nước Việt Nam, Dự án Hợp tác DEWIWAS, các doanh nghiệp cấp thoát nước trong cả nước.

Hà Nội, tháng 11– 2017.

MỤC LỤC

	Trang
Lời mở đầu	2
<u>Phần thứ nhất:</u> Thực trạng kết quả thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp cấp thoát nước	4
1. Thực trạng kết quả thực hiện CPH	4
2. Những thành công trong quá trình CPH các DN cấp, thoát nước	6
3. Những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện CPH	16
<u>Phần thứ hai:</u> Một số kiến nghị để tiếp tục cổ phần hóa các doanh nghiệp cấp thoát nước trong thời gian tới	21
Phụ lục 1	26

LỜI MỞ ĐẦU

Để tiếp tục thực hiện chủ trương của Nhà nước về cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực cấp thoát nước tại các đô thị trong cả nước;

Theo yêu cầu của Hội Cấp Thoát nước Việt Nam về việc đánh giá kết quả thực hiện cổ phần hóa (CPH) các doanh nghiệp cấp thoát nước sinh hoạt tại các đô thị trong thời gian vừa qua, nhằm rút ra được những thành công, những vướng mắc, bất cập... Trên cơ sở đó, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ, góp phần thúc đẩy quá trình CPH trong lĩnh vực cấp thoát nước thành công;

Tháng 10/2017, nhóm tư vấn -được Hội Cấp Thoát nước Việt Nam lựa chọn thực hiện nghiên cứu này gồm những chuyên gia đã có nhiều năm gắn bó với lĩnh vực cấp thoát nước và cũng có những kinh nghiệm nhất định trong việc đánh giá kết quả CPH doanh nghiệp nhà nước (DNNN) nói chung và CPH DNNN trong lĩnh vực cấp thoát nước nói riêng – đã áp dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

- Phương pháp nghiên cứu tại bàn:
 - (i) Thu thập, nghiên cứu các quy định của Nhà nước về CPH, các Báo cáo đánh giá kết quả CPH DNNN nói chung của Bộ Tài chính, Báo cáo đánh giá kết quả CPH trong ngành của Bộ Xây dựng.
 - (ii) Nghiên cứu, tham khảo các báo cáo:
 - Báo cáo cuối cùng gói thầu: Dịch vụ Tư vấn đánh giá về CPH trong các doanh nghiệp cấp nước do VFAM., CoLtd và Watech., JSC thực hiện tháng 6/2012 theo yêu cầu của Ban quản lý Dự án Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Cục Hạ tầng Kỹ thuật – Bộ Xây dựng) và Ngân hàng Thế giới (WB).
 - Báo cáo đánh giá CPH ngành nước do nhóm nghiên cứu của WB thực hiện năm 2014.
 - Báo cáo kết quả CPH – những thành công, những khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ do nhóm tư vấn thực hiện tháng 12/2015 theo yêu cầu của Hội Cấp Thoát nước Việt Nam.
 - Báo cáo đánh giá, đề xuất các chính sách khuyến khích và điều kiện tham gia ngành nước (Dự án cấp nước và nước thải đô thị) do Công ty TNHH VCES tư vấn và đầu tư thực hiện tháng 3/2017 theo yêu cầu của Ban quản lý Dự án Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Cục Hạ tầng Kỹ thuật – Bộ Xây dựng).
- Phương pháp khảo sát thực tế:

- Nhóm tư vấn phối hợp với Hội Cấp Thoát nước Việt Nam xây dựng bảng hỏi phiếu khảo sát và gửi đến các doanh nghiệp (DN) cấp thoát nước đã CPH và đang chuẩn bị các điều kiện tiến hành CPH ở cả 3 Miền Bắc – Trung – Nam, có quy mô và điều kiện sản xuất kinh doanh khác nhau; đã thu về được 48 phiếu trả lời từ các DN gửi về (xin xem phụ lục 1).
- Nhóm tư vấn tiến hành trực tiếp khảo sát tại một số DN như: Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ, Công ty CP Cấp nước Hải Phòng, Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng, Công ty CP Nước sạch Bắc Ninh; trực tiếp trao đổi kinh nghiệm với đơn vị vừa CPH xong đầu năm 2017 là Công ty CP cấp thoát nước Bình Dương...

Từ kết quả thực hiện các phương pháp nghiên cứu nêu trên, nhóm tư vấn đã áp dụng các kỹ thuật tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin (cả thông tin định tính và thông tin định lượng) và tiến hành xây dựng, hoàn chỉnh báo cáo kết quả nghiên cứu với tiêu đề:

“Báo cáo đánh giá kết quả cổ phần hóa trong lĩnh vực cấp thoát nước sinh hoạt đô thị”. Báo cáo gồm 2 phần:

- + Phần thứ nhất: Thực trạng kết quả thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp cấp thoát nước.
- + Phần thứ hai: Một số kiến nghị để tiếp tục cổ phần hóa các doanh nghiệp cấp thoát nước trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu trên đây được thực hiện với sự phối hợp, giúp đỡ rất nhiệt tình, có hiệu quả của nhiều tổ chức, cá nhân tại Hội Cấp Thoát nước Việt Nam, các DN cấp thoát nước và đặc biệt là sự hỗ trợ một phần về kinh phí nghiên cứu của Dự án Hợp tác DEVIWAS...

Nhóm tư vấn xin chân thành cảm ơn và đánh giá cao sự hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân nêu trên đã giúp nhóm tư vấn hoàn thành báo cáo này.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM nhóm tư vấn

Ths. Nguyễn Tiến Thỏa, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Thẩm định Giá Việt Nam. Nguyên Chuyên viên cao cấp, Cục trưởng Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính.

PHẦN THỨ NHẤT:

THỰC TRẠNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA CÁC DOANH NGHIỆP CẤP THOÁT NƯỚC

I. Thực trạng kết quả thực hiện CPH:

CPH DNNN nói chung và CPH các DN cấp thoát nước nói riêng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được coi là khâu trọng tâm của quá trình cải cách, tái cơ cấu DNNN nhằm tạo ra các điều kiện để: Khai thác, huy động và sử dụng các nguồn lực của xã hội hợp lý; tạo nên những động lực mới thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất, nâng cao sức cạnh tranh, tồn tại và phát triển bền vững trong cơ chế kinh tế thị trường.

1/Đối với lĩnh vực cấp nước đô thị:

Tính đến tháng 9/2017, cả nước có 111 DN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng nước sạch cho các đô thị với tổng công suất thiết kế của các nhà máy đạt trên 8,5 triệu m³/ngày-đêm (trong đó gồm 22 DN thuộc lĩnh vực xây dựng, vận hành nhà máy nước; 68 DN thuộc lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối nước), tăng thêm 1 triệu m³/ngày-đêm so với năm 2014 và 1,8 triệu m³/ngày-đêm so với năm 2011. Tổng chiều dài đường ống làm nhiệm vụ truyền tải và phân phối nước của toàn bộ hệ thống cấp nước trong cả nước vào khoảng 25.000 km; đáp ứng được 84,5% nhu cầu dùng nước của dân cư thành thị, tăng 3% so với năm 2014 và 7% so với năm 2011 (trong đó, tỷ lệ bao phủ ở các đô thị loại III trở lên đạt 90%, các đô thị loại IV đạt 75% và các đô thị loại V đạt 65%)⁽¹⁾. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước trong đô thị đã giảm xuống bình quân khoảng 23,0%, tức là giảm được 7,0% so với năm 2010.

Các công ty cấp nước đã bắt đầu tiến hành CPH từ năm 2005 và đến nay chỉ còn khoảng 10 công ty cấp nước cấp tỉnh/thành phố chưa tiến hành CPH (chiếm 9% tổng số DN cấp nước), trong đó có 2 công ty cấp nước lớn là

⁽¹⁾Báo cáo đánh giá, đề xuất các chính sách khuyến khích và điều kiện tham gia ngành nước (Dự án cấp nước và nước thải đô thị) do Công ty TNHH VCES tư vấn và đầu tư thực hiện tháng 3/2017 và kết quả tổng hợp của nhóm nghiên cứu.

SAWACO và HAWACOM của Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội chưa tiến hành CPH toàn bộ, mà chỉ mới CPH các công ty/xí nghiệp cung cấp dịch vụ (mạng phân phối và dịch vụ). Sau khi CPH, mức độ nắm giữ cổ phần của Nhà nước ở các công ty cổ phần nước sạch rất khác nhau: Có 6 công ty Nhà nước không còn nắm giữ cổ phần nào (Nhà nước thoái vốn 100%); số còn lại: có những công ty Nhà nước chỉ nắm giữ dưới 50%, có những công ty Nhà nước nắm giữ 51% trở lên, thậm chí có những công ty Nhà nước vẫn nắm giữ trên 90% cổ phần. Một số công ty đã có nhà đầu tư nước ngoài tham gia. Ví dụ: Công ty Cổ phần BOO Nhà máy Nước Thủ Đức, nhà đầu tư Manila Water đã nắm giữ 49% cổ phần; Công ty CP Cấp nước Kinh Đông, Manila Water đã mua lại 47% cổ phần⁽²⁾.

2/ Đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải đô thị:

Tính đến tháng 9/2017, có 71 DN đảm nhiệm lĩnh vực thoát nước (bao gồm cả các công ty vệ sinh môi trường đô thị), 69 nhà máy xử lý nước thải đô thị với tổng công suất thiết kế là 2.315.150 m³/ngày-đêm, trong đó có 41 nhà máy xử lý nước thải đô thị đang hoạt động với tổng công suất 950.000 m³/ngày-đêm, 28 nhà máy đang trong quá trình xây dựng hoặc chạy thử nghiệm với tổng công suất thiết kế là 1.375.000 m³/ngày-đêm. Đến nay vẫn còn 21/63 thành phố tỉnh lỵ và hầu hết các đô thị loại IV, loại V chưa có dự án thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

Các DN trong lĩnh vực thoát nước tiến hành CPH muộn hơn nhiều năm và có điều kiện khó khăn hơn so với lĩnh vực cấp nước, nhất là về kinh phí hoạt động. Theo quy định, chỉ thu của các hộ thoát nước 10% trên giá tiêu thụ nước sạch, phần thiếu hụt do ngân sách cấp bù (khoảng 60 – 70% chi phí hoạt động của DN thoát nước). Do đó, sức hấp dẫn trong CPH thấp. Tuy vậy, đến nay trong 71 DN thoát nước có 29 DN hoạt động theo hình thức Công ty TNHH MTV với 100% vốn thuộc sở hữu Nhà nước; 39 DN đã CPH và Nhà nước nắm giữ trên 50% cổ phần; 3 DN được đầu tư theo hình thức BOT và BOO...⁽³⁾

(2), (3) Báo cáo đánh giá, đề xuất các chính sách khuyến khích và điều kiện tham gia ngành nước (Dự án cấp nước và nước thải đô thị) do Công ty TNHH VCES tư vấn và đầu tư thực hiện tháng 3/2017.

II. Những thành công trong quá trình CPH các DN cấp, thoát nước.

Với kết quả khảo sát đã được tổng hợp, phân tích, có thể đánh giá một cách tổng quát là: CPH DNNN nói chung, các DN cấp thoát nước nói riêng là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với đòi hỏi khách quan của nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Nó đã tạo ra động lực cho sản xuất - kinh doanh, đổi mới cơ chế quản lý tại DN, tăng cường quản trị theo phương thức hiện đại, tạo ra sự tự chủ trong hoạt động của DN, tạo môi trường hoạt động cho DN theo qui luật kinh tế, mang lại hiệu quả đích thực cho các chủ thể kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực này...

1/ Những thành công chung:

CPH các DN cấp thoát nước đã mang lại nhiều lợi ích hơn cho các chủ thể kinh tế tham gia thị trường, bao gồm: Người lao động, Doanh nghiệp, Nhà nước và khách hàng. Những lợi ích đó có thể khái quát như sau:

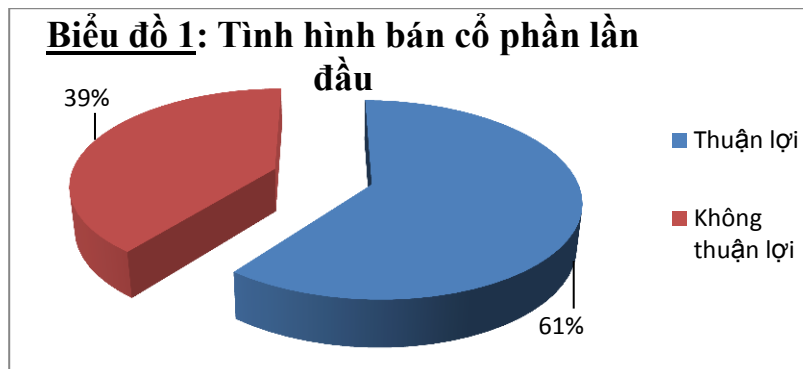
Đối với Nhà nước	Đối với DN	Đối với người lao động	Đối với khách hàng
<ul style="list-style-type: none"> - Thu được nguồn tài chính từ việc thoái vốn để phục vụ phát triển chung. - Không phải chi Ngân sách để đầu tư, cho quản lý, vận hành. - Thu Ngân sách từ thuế tăng hơn. - Quản lý DN phù hợp với quy định của pháp luật và cơ chế kinh tế thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động được nguồn lực từ các thành phần kinh tế qua thị trường vốn thuận lợi hơn để phát triển. - Quyền tự chủ trong sản xuất - kinh doanh được tôn trọng. - Sản xuất - kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn. - Tính minh bạch trong hoạt động sản xuất - kinh doanh được nâng cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm hơn trước; tay nghề được nâng cao. - Được hưởng thu nhập gắn với năng lực và hiệu quả sản xuất - kinh doanh - Có động lực làm việc tốt, gắn bó chặt chẽ hơn với công ty vì có quyền lợi của cổ đông... 	<ul style="list-style-type: none"> - Được cung ứng dịch vụ đủ về số lượng, tốt về chất lượng, an toàn; vệ sinh trong sử dụng dịch vụ. - Được thụ hưởng chính sách chăm sóc khách hàng tốt hơn trong quá trình sử dụng dịch vụ.

2/ Những thành công cụ thể:

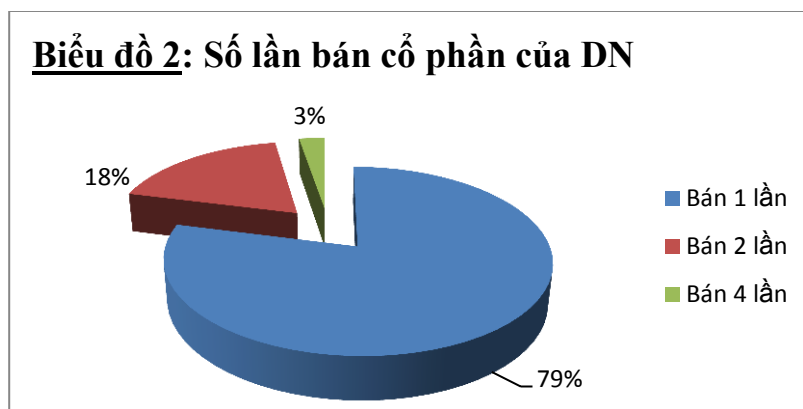
2.1. Tình hình bán cổ phần của các DN cơ bản diễn ra thuận lợi:

Trong 38 DN đã CPH có ý kiến trả lời về vấn đề này trong số 48 DN gửi phiếu khảo sát về thì:

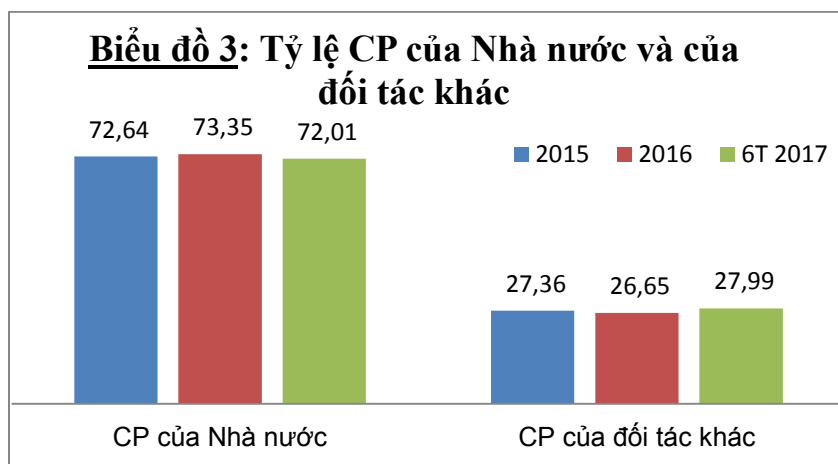
- Số DN bán cổ phần lần đầu diễn ra thuận lợi là 23 (chiếm 61%), số DN gặp không thuận lợi là 15 (chiếm 39%).



- Số DN bán cổ phần 1 lần thành công là 30 (chiếm 79%), số DN phải bán 2 lần là 7 (chiếm 18%), số DN phải bán 4 lần là 1 (chiếm 3%).



- Tỷ lệ cổ phần bình quân do Nhà nước nắm giữ ở mức trên 70%, của các đối tác khác là gần 30%.

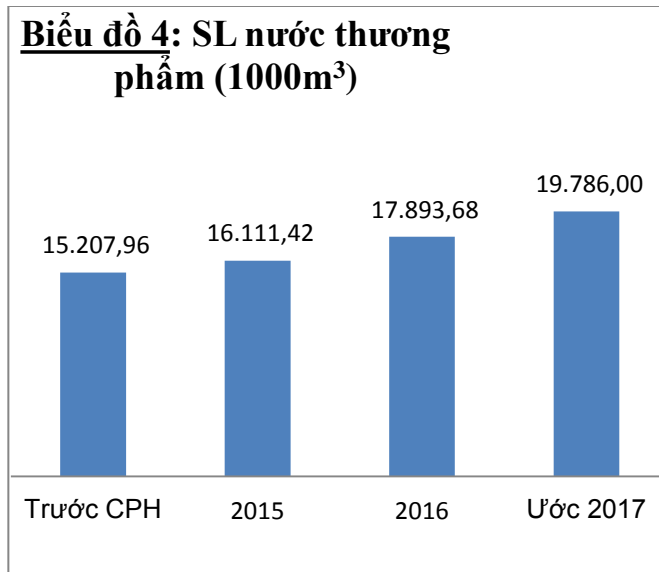


2.2. Sản xuất kinh doanh sau CPH có những chuyển biến tích cực:

2.2.1. Đối với các DN cấp nước:

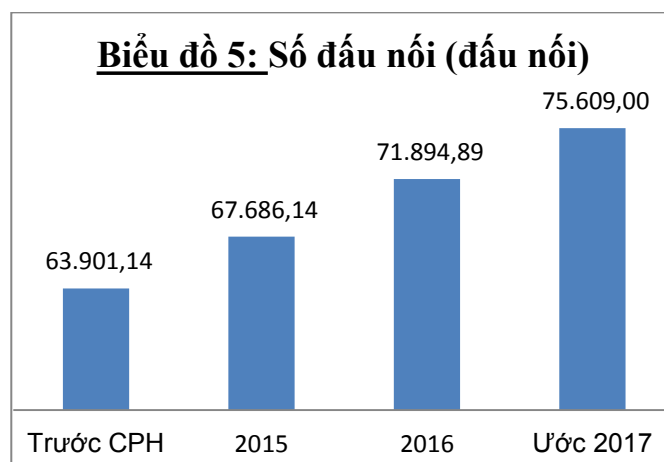
- Sản lượng nước thương phẩm tính bình quân 1 DN tăng mạnh so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 15.208 nghìn m³/DN.
- Sau CPH: + Năm 2015 là 16.111 nghìn m³/DN, tăng so với trước CPH là 5,93%.
- + Năm 2016 là 17.894 nghìn m³/DN, tăng so với trước CPH là 17,66%.
- + Ước tính năm 2017 là 19.786 nghìn m³/DN, tăng so với trước CPH là 30%.



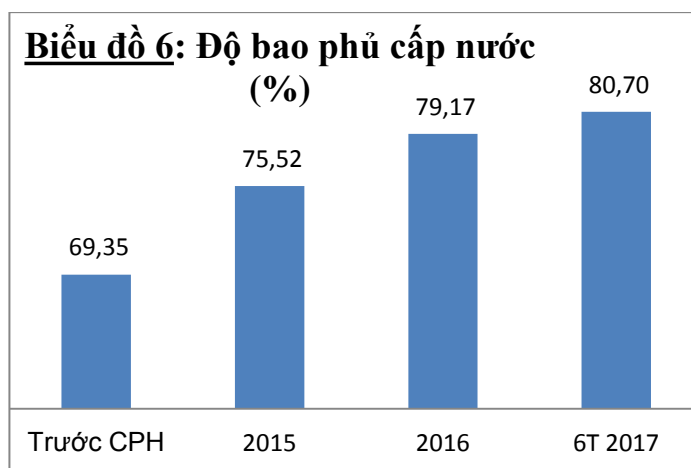
- Số đầu nổi bình quân 1 DN cũng tăng khá so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 63.901 đầu nổi/DN.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 67.686 đầu nổi/DN, tăng so với trước CPH là 5,92%.
- + Năm 2016 đạt 71.895 đầu nổi/DN, tăng so với trước CPH là 12,51%.
- + Ước tính năm 2017 đạt 75.609 đầu nổi/DN, tăng so với trước CPH là 18,32%



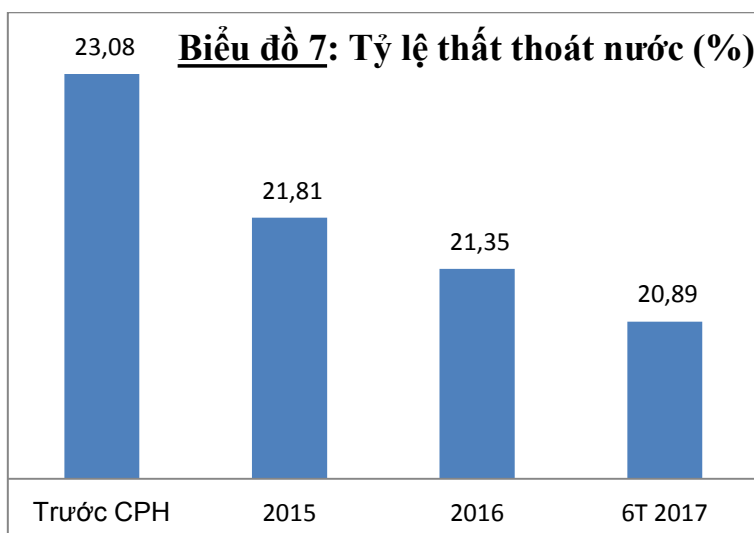
- Độ bao phủ cấp nước tính bình quân 1 DN tăng khá so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 69,35%.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 75,52%, tăng so với trước CPH là 6,17 điểm %.
- + Năm 2016 đạt 79,17%, tăng so với trước CPH là 9,82 điểm %.
- + 6 tháng đầu năm 2017 đạt 80,7%, tăng so với trước CPH là 11,35 điểm %.



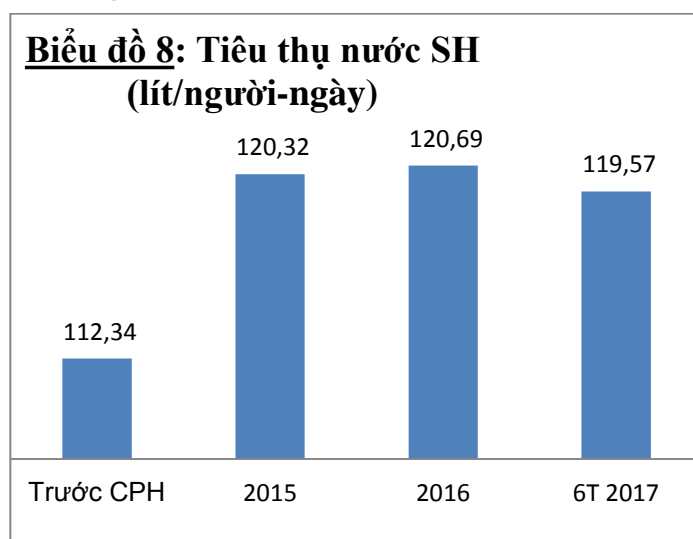
- Tỷ lệ thất thoát nước tính bình quân 1 DN giảm rất đáng kể so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 23,08%.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 21,81%, giảm so với trước CPH là 1,27 điểm %.
- + Năm 2016 đạt 21,35%, giảm so với trước CPH là 1,73 điểm %.
- + 6 tháng đầu năm 2017 đạt 20,89%, giảm so với trước CPH là 2,19 điểm %.



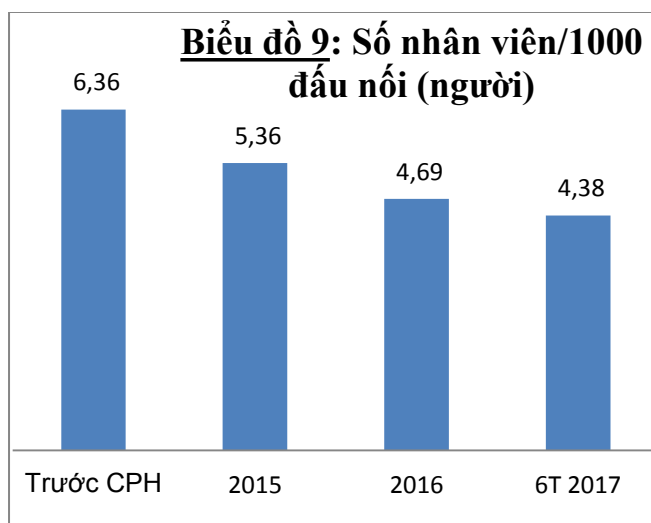
- Tỷ lệ tiêu thụ nước sinh hoạt bình quân đầu người ở khu vực các DN khảo sát chịu trách nhiệm cung cấp nước tăng khá so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 112,34 lít/người-ngày đêm.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 120,32 lít/người-ngày đêm, tăng so với trước CPH là 7,1%.
- + Năm 2016 đạt 120,69 lít/người-ngày đêm, tăng so với trước CPH là 7,43%.
- + 6 tháng đầu năm 2017 đạt 119,57 lít/người-ngày đêm, tăng so với trước CPH là 6,44%



- Số giờ cung cấp nước trong ngày luôn đạt khoảng 23,6/24 giờ cả ở thời gian trước và sau khi CPH.
- Số nhân viên tính trên 1000 đầu nổi bình quân 1 DN giảm mạnh so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 6,36 người/1000 đầu nôi.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 5,36 người/1000 đầu nôi, giảm so với trước CPH là 15,79%.
- + Năm 2016 đạt 4,69 người/1000 đầu nôi, giảm so với trước CPH là 26,24%.
- + 6 tháng đầu năm 2017 đạt 4,38 người/1000 đầu nôi, giảm so với trước CPH là 31,18%.

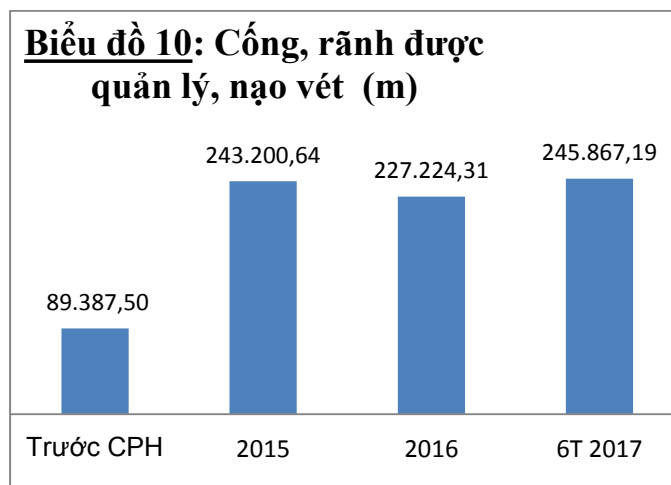


2.2.2. Đối với các DN thoát nước:

Nhiều chỉ tiêu tăng mạnh so với trước CPH, đó là do được đầu tư đổi mới, do tăng năng suất lao động... Ví dụ:

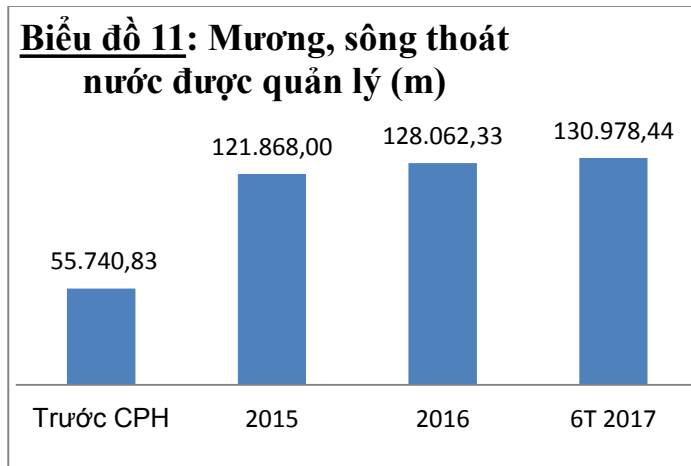
- Tổng chiều dài cống, rãnh được quản lý, nạo vét bình quân 1 DN tăng rất mạnh so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 89.388 m.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 243.201 m, tăng so với trước CPH là 172,07%.
- + Năm 2016 đạt 227.224 m, tăng so với trước CPH là 154,2%.
- + 6 tháng đầu năm 2017 đạt 245.867 m, tăng so với trước CPH là 175,06%.



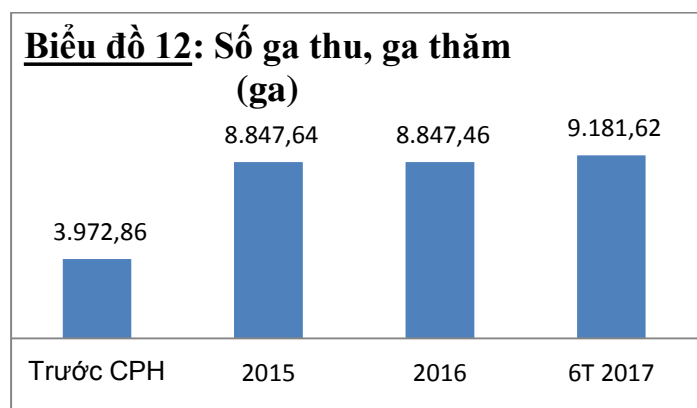
- Tổng chiều dài mương, sông thoát nước được quản lý bình quân 1 DN cũng tăng mạnh so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 55.741 m.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 121.868 m, tăng so với trước CPH là 118,63%.
- + Năm 2016 đạt 128.062 m, tăng so với trước CPH là 129,75%.
- + 6 tháng đầu năm 2017 đạt 130.978 m, tăng so với trước CPH là 134,98%.



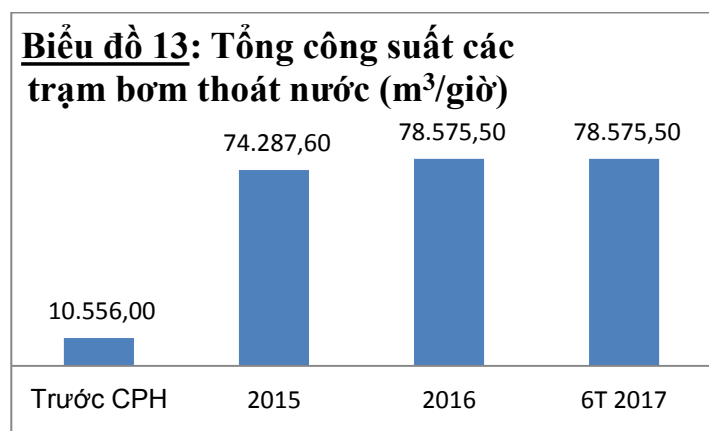
- Tổng số ga thu, ga thăm bình quân 1 DN cũng tăng mạnh so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 3.973 ga.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 8.848 ga, tăng so với trước CPH là 122,69%.
- + Năm 2016 đạt 8.847 ga, tăng so với trước CPH là 122,69%.
- + 6 tháng đầu năm 2017 đạt 9.182 ga, tăng so với trước CPH là 131,1%.



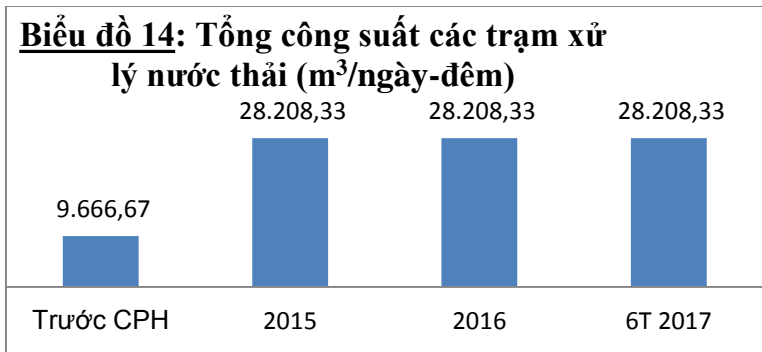
- Tổng công suất các trạm bơm thoát nước bình quân 1 DN tăng rất mạnh so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 10.556 m³/giờ.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 74.288 m³/giờ, tăng so với trước CPH là 603,75%.
- + Năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 đạt 78.576 m³/giờ, tăng so với trước CPH là 644,37%.



- Tổng công suất các trạm xử lý nước thải bình quân 1 DN cũng tăng rất mạnh so với trước khi CPH:

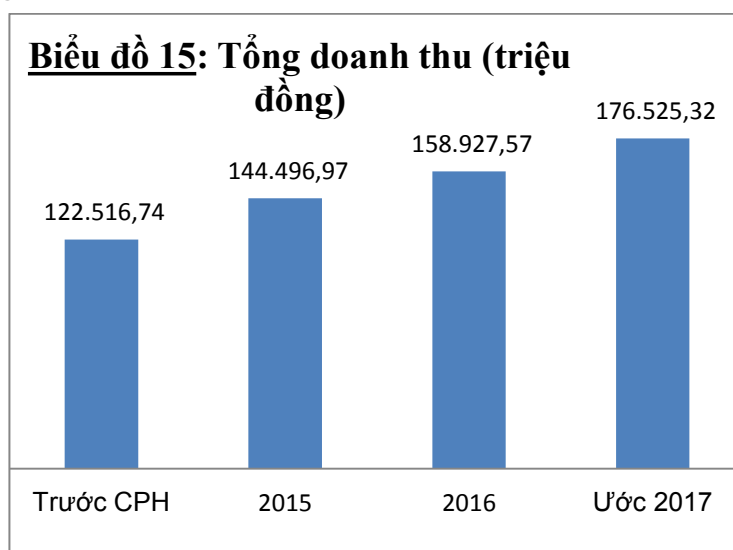
- Trước CPH là 9.667m³/ngày-đêm.
- Sau CPH: Giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6/2017 đạt 28.208 m³/ngày-đêm, tăng so với trước CPH là 191,8%.



2.3. Tình hình tài chính được cải thiện, hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng so với trước CPH:

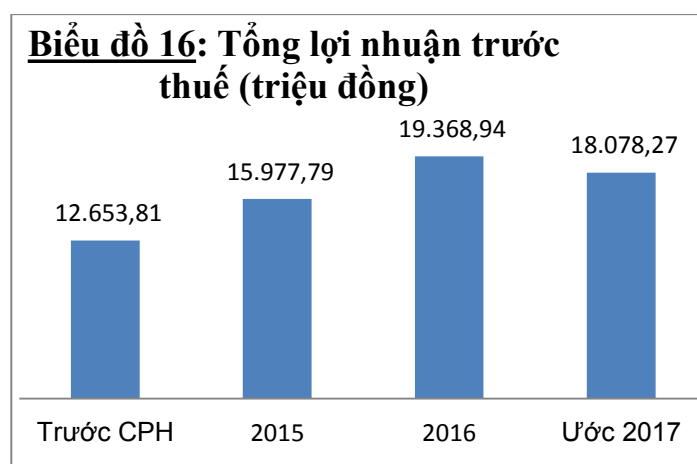
- Doanh thu bình quân 1 DN tăng mạnh so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 122,517 tỷ đồng/năm.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 144,497 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 17,94%.
- + Năm 2016 đạt 158,928 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 29,72%.
- + Ước năm 2017 đạt 176,525 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 44,08%.

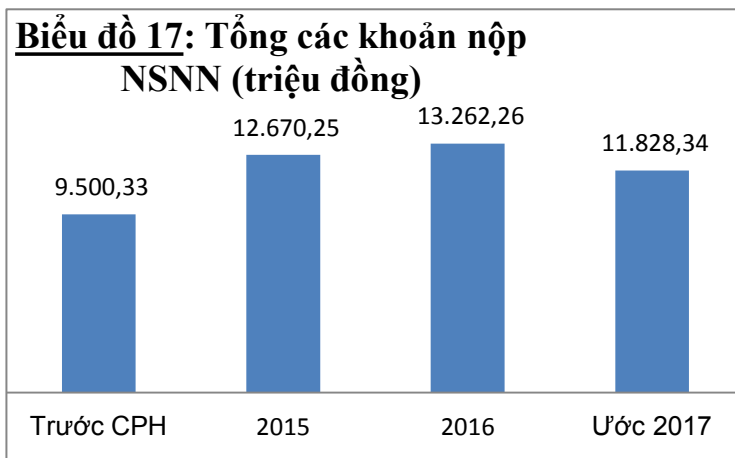


- Tổng lợi nhuận trước thuế bình quân 1 DN đạt mức tăng khá so với trước khi CPH:

- Trước CPH là 12,654 tỷ đồng/năm.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 15,978 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 26,27%.
- + Năm 2016 đạt 19,369 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 53,07%.
- + Ước năm 2017 đạt 18,078 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 42,87%.

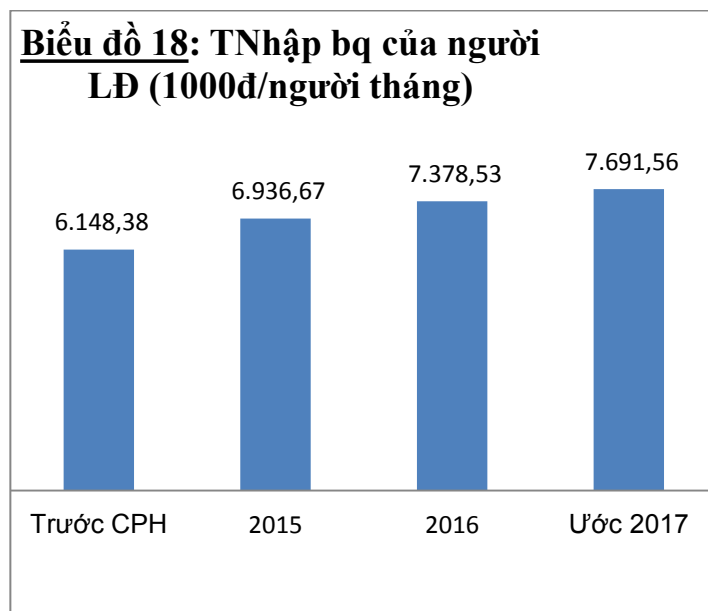


- Tổng các khoản nộp Ngân sách Nhà nước bình quân 1 DN cũng tăng khá so với trước khi CPH:
 - Trước CPH là 9,5 tỷ đồng/năm.
 - Sau CPH: + Năm 2015 đạt 12,67 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 33,37%.
 - + Năm 2016 đạt 13,262 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 39,6%.
 - + Ước năm 2017 đạt 11,823 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 24,51%.



2.4. Thu nhập của người lao động ngày càng tăng lên, đời sống của người lao động được cải thiện cả về vật chất và tinh thần:

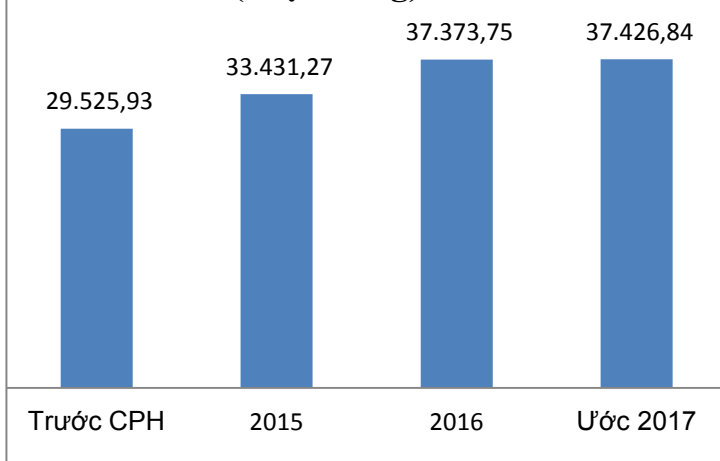
- Sau CPH, không có tình trạng lao động bị thất nghiệp, thu nhập bình quân của người lao động tăng cao hơn so với trước khi các DN thực hiện CPH:
 - Trước CPH thu nhập bình quân là 6.148 nghìn đồng/người-tháng.
 - Sau CPH: + Năm 2015 đạt 6.937 nghìn đồng/người-tháng, tăng so với trước CPH là 12,83%.
 - + Năm 2016 đạt 7.379 nghìn đồng/người-tháng, tăng so với trước CPH là 20,02%.
 - + Ước năm 2017 đạt 7.692 nghìn đồng/người-tháng, tăng so với trước CPH là 25,11%



- Sau CPH, tổng quỹ lương bình quân 1 DN cũng tăng cao hơn khá nhiều so với trước khi CPH:

- Trước CPH tổng quỹ lương bình quân 1 DN là 29,526 tỷ đồng/năm.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 33,431 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 13,23%.
- + Năm 2016 đạt 37,374 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 26,58%.
- + Ước năm 2017 đạt 37,427 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 26,76%.

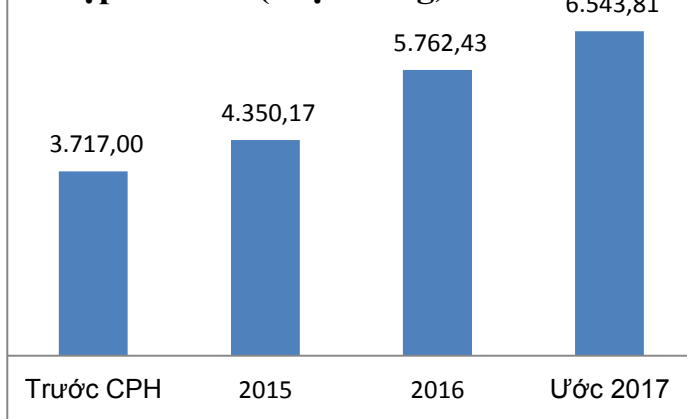
Biểu đồ 19: Tổng quỹ TLương của DN (triệu đồng)



- Sau CPH, tổng tiền bảo hiểm đã nộp bình quân 1 DN cũng tăng cao hơn khá nhiều so với trước khi CPH:

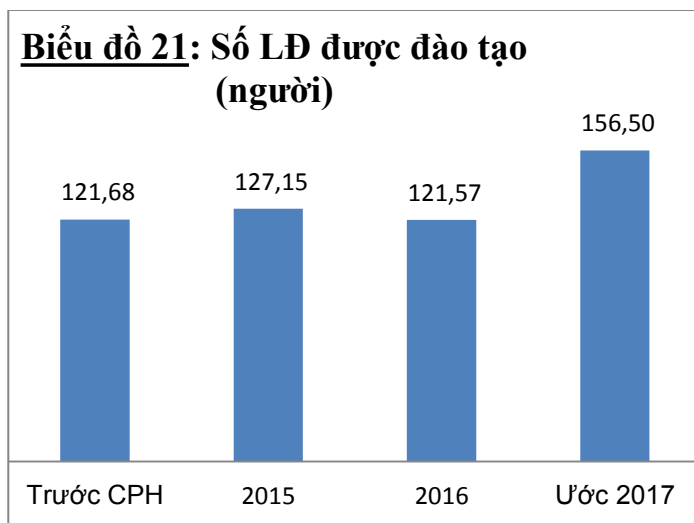
- Trước CPH tổng tiền bảo hiểm đã nộp bình quân 1 DN là 3,717 tỷ đồng/năm.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 4,35 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 17,03%.
- + Năm 2016 đạt 5,762 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 55,03%.
- + Ước năm 2017 đạt 6,544 tỷ đồng, tăng so với trước CPH là 76,05%.

Biểu đồ 20: Tiền bảo hiểm đã nộp của DN (triệu đồng)



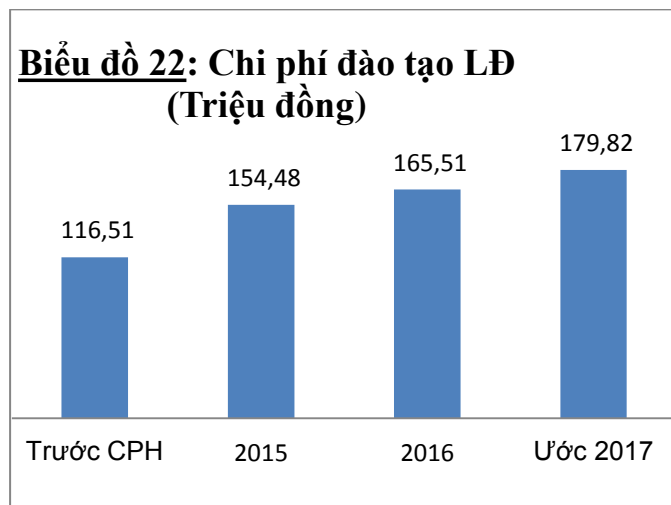
- Số lao động được đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn bình quân 1 DN cũng tăng hơn so với trước khi các DN thực hiện CPH:

- Trước CPH số lao động được đào tạo bình quân 1 DN là 121,68 người/năm.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 127,15 người, tăng so với trước CPH là 4,48%.
- + Năm 2016 đạt 121,57 người, giảm so với trước CPH là 0,11%.
- + Ước năm 2017 đạt 156,50 người, tăng so với trước CPH là 28,59%.



- Chi phí đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của lao động bình quân 1 DN cũng tăng khá mạnh so với trước khi các DN thực hiện CPH:

- Trước CPH chi phí đào tạo bình quân 1 DN là 116,51 triệu đồng/năm.
- Sau CPH: + Năm 2015 đạt 154,48 triệu đồng, tăng so với trước CPH là 32,6%.
- + Năm 2016 đạt 165,51 triệu đồng, tăng so với trước CPH là 42,07%.
- + Ước năm 2017 đạt 179,82 triệu đồng, tăng so với trước CPH là 54,35%.



3/ Những bài học kinh nghiệm để CPH các DN cấp thoát nước thành công:

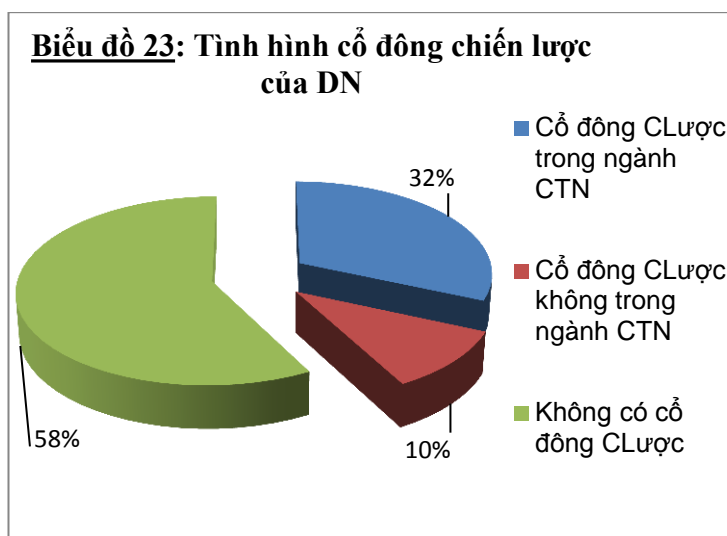
- **Thứ nhất:** Lãnh đạo các DN phải thông suốt chủ trương của Chính phủ, phải có quyết tâm, không chần chừ, do dự. Tích cực tuyên truyền, giải thích, thuyết phục người lao động để tạo ra sự đồng thuận chung trong toàn DN.
- **Thứ hai:** Phải có sự quan tâm, ủng hộ của chính quyền các cấp trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các DN trong quá trình CPH.
- **Thứ ba:** Phải công khai, minh bạch các thông tin về tài chính, phương án sản xuất - kinh doanh, quản trị DN, thu hút đầu tư, chính sách phân phối lợi nhuận, chính sách với người lao động...

III. Những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện CPH.

- **Thứ nhất:** Quy định tiêu chí lựa chọn nhà thầu đối với các DN cấp thoát nước áp dụng như lĩnh vực khác là chưa hợp lý, bởi vì, do chọn tiêu chí đầu tiên là phải “có năng lực tài chính” mà không phải là nhà đầu tư cùng ngành cấp thoát nước; cộng với sức hấp dẫn về lợi ích kinh tế chưa cao nên dẫn đến nhiều trường hợp không tìm được nhà đầu tư chiến lược, có DN tìm được nhà đầu tư chiến lược lại không liên quan đến ngành cấp thoát nước. Mặt khác, chưa có các chế tài để xử lý các vi phạm của nhà đầu tư chiến lược khi họ không thực hiện các cam kết của mình đối với DN sau CPH; Vì vậy, đã xuất hiện tình trạng nhà đầu tư chỉ quan tâm chủ yếu đến lợi nhuận thu được, ít quan tâm tới việc đầu tư nâng cấp hệ thống, mở rộng mạng lưới cấp thoát nước đến những vùng, khu vực mang lại lợi nhuận thấp.

Trong số 38 DN đã CPH gửi phiếu trả lời khảo sát thì:

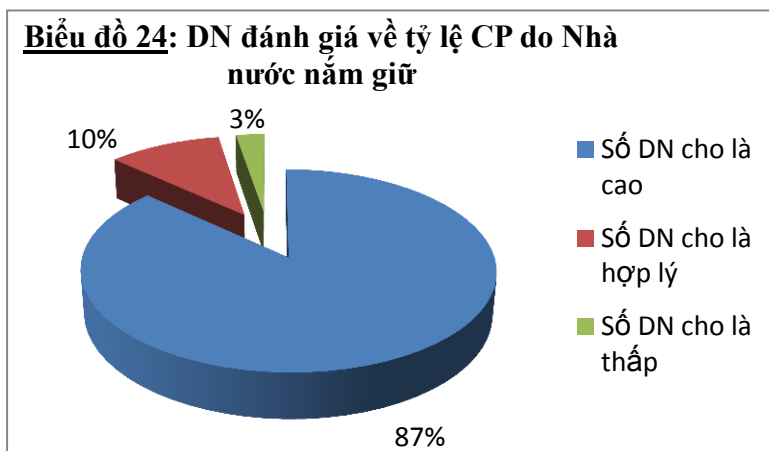
- Số DN không có cổ đông chiến lược là 22 DN (chiếm 58%).
- Số DN có cổ đông chiến lược là 16 DN (chiếm 42%). Trong đó:
 - + Cổ đông chiến lược có liên quan ngành cấp thoát nước là 12 DN (chiếm 32%).
 - + Cổ đông chiến lược không liên quan ngành cấp thoát nước là 4 DN (chiếm 10%).



- **Thứ hai:** Quy định giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược ở lĩnh vực cấp thoát nước áp dụng như các lĩnh vực khác, theo hình thức thỏa thuận trước khi đấu giá công khai của các nhà đầu tư thông thường khác là không hợp lý, thiếu minh bạch, dễ dẫn đến hiện tượng “móc ngoặc”, phát sinh tiêu cực trong mua bán cổ phần.
- **Thứ ba:** Quy định 3 phương pháp bán cổ phần lần đầu (đấu giá công khai, bảo lãnh phát hành và thỏa thuận trực tiếp) là đúng, song chưa đủ, chưa tạo được tính đa dạng hơn trong mua bán... để giúp các DN bán cổ phần thuận lợi hơn.

- **Thứ tư:** - Đối với tỷ lệ cổ phần do Nhà nước nắm giữ:

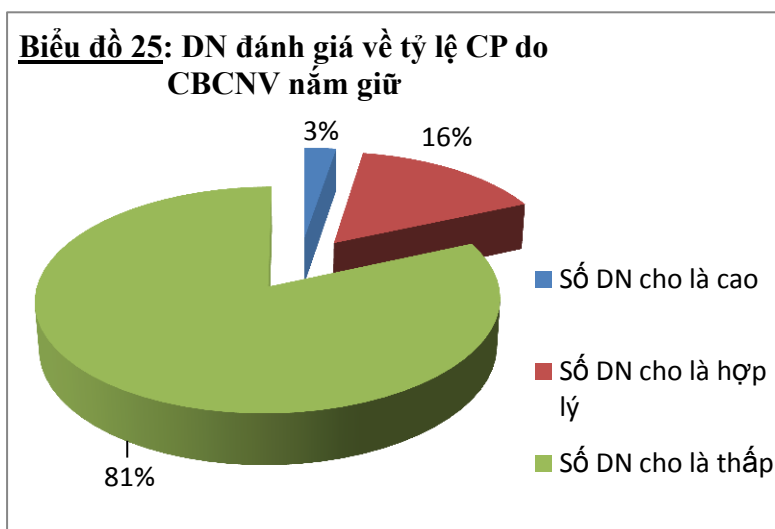
Đại đa số các DN được khảo sát đều đánh giá cổ phần Nhà nước nắm giữ hiện nay là cao (chiếm 87%), lý do chính là khó bán cổ phần; chỉ có 10% số DN cho là hợp lý, 3% số DN cho là thấp.



- Đối với tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên nắm giữ:

+ Đa số các DN được khảo sát đều cho rằng tỷ lệ này là thấp (chiếm 81%); chỉ có 16% số DN cho là hợp lý, 3% số DN cho là cao.

+ Số DN đề nghị tăng tỷ lệ cổ phần bán cho cán bộ, công nhân viên từ 15% trở lên so với tổng số cổ phần phát hành là 29% số DN.



- **Thứ năm:** Việc quy định đánh giá lại giá trị tài sản hiện có áp theo tỷ lệ 20% - 30% so với tài sản mới để xác định giá trị DN: Đối với tài sản cố định, công cụ lao động đã hết thời gian khấu hao, thu hồi đủ giá trị được sử dụng tiếp; đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa, vật kiến trúc... là không phù hợp với nguyên tắc thị trường và ngành nước – một ngành mà nhiều tài sản được hình thành từ rất lâu, bằng nhiều nguồn vốn đầu tư khác nhau, ở những thời điểm khác nhau và nằm chìm dưới lòng đất... Việc chứng minh nguồn gốc tài sản, giá trị còn lại của tài sản có nhiều khó khăn – vì thế đã góp phần làm cho giá trị DN cao (thậm chí là ảo ở 1 số trường hợp), cao hơn giá trị sổ sách khoảng 20% - 30%.

- **Thứ sáu:** Quy định mức chi phí CPH là cứng nhắc, không phù hợp với điều kiện, quy mô của các DN khác nhau. Do đó, các DN rất khó triển khai.
- **Thứ bảy:** Việc xác định giá trị DN còn bất cập, cụ thể:
 - Về phương pháp xác định giá:

Theo thông lệ quốc tế thì xác định giá trị DN có nhiều phương pháp, nhưng phổ biến hiện nay các nước đang áp dụng 5 phương pháp, đó là: Phương pháp giá trị tài sản thuần; phương pháp chiết khấu dòng cổ tức; phương pháp chiết khấu lợi nhuận; phương pháp dòng tiền chiết khấu; phương pháp tỷ số: Giá/thu nhập (P/E). Trong khi đó ở nước ta cho phép áp dụng các phương pháp là phương pháp tài sản, phương pháp dòng tiền chiết khấu và các phương pháp khác theo thông lệ quốc tế. Nhưng mới chỉ hướng dẫn cụ thể 2 phương pháp: Tài sản và dòng tiền chiết khấu, còn các phương pháp khác là phương pháp nào? Theo thông lệ quốc tế của quốc gia nào? Tổ chức nào trên thế giới?... thì lại chưa được hướng dẫn cụ thể để bảo đảm chặt chẽ về tính pháp lý, ngăn ngừa rủi ro trong quá trình xác định giá trị DN, tránh thất thoát vốn Nhà nước.

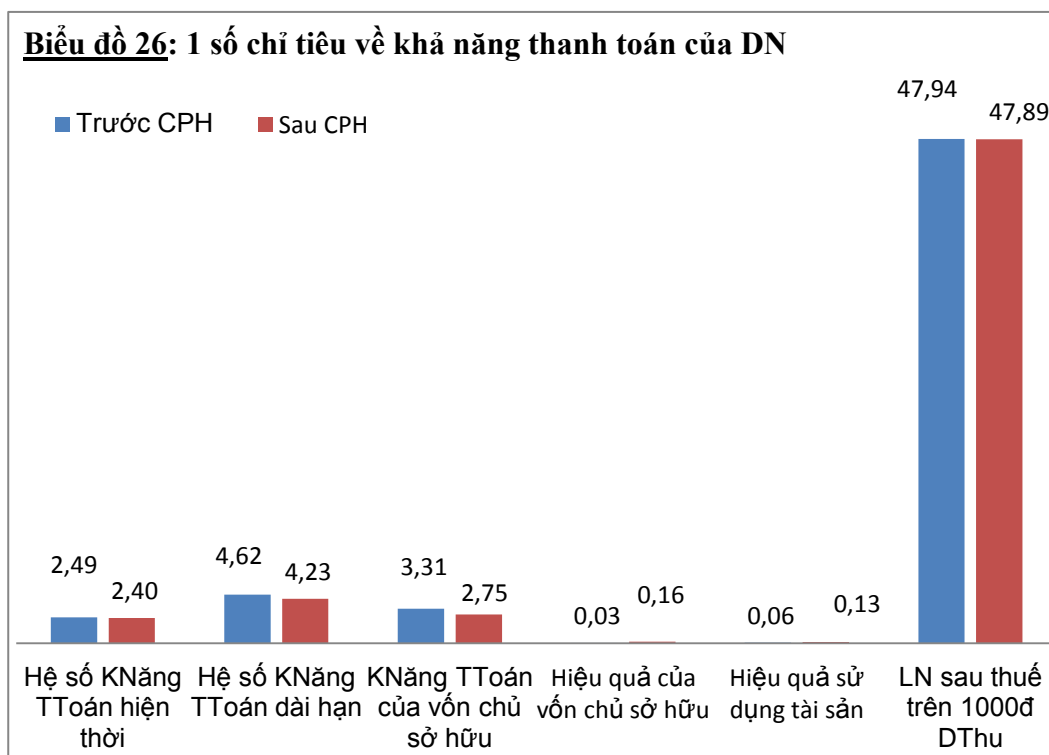
Thực tế khi xác định giá trị DN, các đơn vị tư vấn chỉ áp dụng phương pháp tài sản là chủ yếu, mà không áp dụng các phương pháp khác để kiểm chứng. Tuy phương pháp tài sản là phương pháp dễ hiểu, dễ áp dụng và nó chứng minh được giá trị tài sản là một lượng tài sản có thực. Nhưng nó cũng bộc lộ những khiếm khuyết đo định giá DN “trong trạng thái tĩnh”, ít chú ý đến việc nó còn có thể phát triển, hoàn thiện trong tương lai... nên nhiều trường hợp không phản ánh sát thực tế, bỏ qua giá trị vô hình không được hạch toán trên sổ sách kế toán, dẫn đến giảm giá trị tài sản được đánh giá, làm “méo mó” giá trị DN, ảnh hưởng lớn đến quyền lợi Nhà nước.
 - Một số nội dung hướng dẫn về xác định giá trị DN còn chưa hợp lý, cụ thể:
 - + Quy định tính giá trị lợi thế kinh doanh bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển; trong đó giá trị thương hiệu áp dụng theo cách tính cộng dồn các chi phí quá khứ xây dựng thương hiệu nhưng lại không tính đến yếu tố thời gian của tiền, cũng như khả năng mua bán thương hiệu trên thị trường. Đây là điểm chưa hợp lý bởi vì trên thực tế không nhất thiết cứ bỏ ra 1 đồng chi phí tạo thương hiệu thì giá trị thương hiệu phải được 1 đồng, mà khi đưa ra thị

trường thì giá trị thương hiệu sẽ được mua, bán cao hơn hoặc thấp hơn giá trị tạo ra nó.

+ Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở tương quan giữa tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Nhà nước bình quân 3 năm trước thời điểm xác định giá trị DN với lãi suất trái phiếu Chính phủ mà không phải lợi nhuận sau thuế dự kiến thu được sau CPH. Điều này sẽ dẫn tới hệ quả là chưa tính đúng, tính đủ các cơ hội và tiềm năng phát triển của DN trong tương lai như: Yếu tố vị trí thuận lợi trong sản xuất – kinh doanh, các tiềm năng, nguồn lực phát triển của DN, bí quyết kinh doanh, đặc quyền kinh doanh của DN...

- **Thứ tám:** Giá tiêu thụ nước sạch, giá dịch vụ thoát nước ở nhiều DN chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ và có mức lợi nhuận hợp lý (nhiều địa phương còn không tính đủ cả khấu hao tài sản...). Vì vậy, nguồn lực tài chính của những DN này gặp khó khăn. Đây cũng chính là nguồn gốc tạo ra hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao, dẫn đến sự không hấp dẫn đối với các nhà đầu tư khi xem xét đầu tư vốn vào những DN đó.
- **Thứ chín:** Hiệu quả sản xuất – kinh doanh của các DN sau CPH đã được cải thiện:

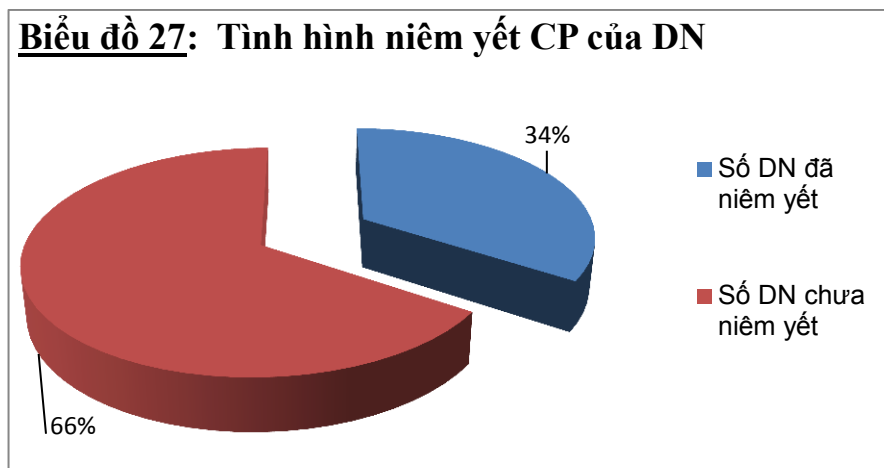
Tuy nhiên, các hệ số về khả năng thanh toán chưa an toàn; tỷ suất lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn, tài sản... chưa chuyển biến mạnh



- **Thứ mười:** Nước nói chung, nước sạch sinh hoạt nói riêng là loại hàng hóa tối cần thiết cho cuộc sống của con người, nhưng hiện còn thiếu cơ chế kiểm soát, không đủ chế tài ràng buộc của chính quyền đô thị đối với những DN mà Nhà nước đã thoái vốn 100%, những DN mà Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối nên đã tiềm ẩn nguy cơ rủi ro: ảnh hưởng nguồn cung, đe dọa chủ trương cấp nước an toàn, đảm bảo chất lượng... (Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch có quy định chính quyền đô thị phải có thỏa thuận với các DN cấp nước về sản xuất và cung ứng nước sạch, nhưng chỉ có khoảng 10 tỉnh/thành phố thực hiện...). Có không ít DN băn khoăn lo lắng cho rằng: Với chủ trương thoái vốn Nhà nước 100%, Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối đối với các DN cấp nước... Nhà nước và người dùng nước sẽ không chỉ khó kiểm soát an ninh, an toàn cấp nước (đặc biệt là chất lượng nước), mà còn bán mất một đặc quyền kinh doanh sẽ tiếp tục được thu lợi trong nhiều năm sau như: Giá trị lợi thế, hệ thống khách hàng thuyền thống đã dày công xây dựng trong nhiều năm...
- **Thứ mười một:** Còn khá nhiều DN sau CPH chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu của DN lên sở giao dịch chứng khoán:

Trong số 38 DN đã CPH gửi phiếu trả lời khảo sát thì:

- Số DN chưa niêm yết là 25 (chiếm 66%).
- Số DN đã niêm yết là 13 (chiếm 34%).



PHẦN THỨ HAI:

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục thực hiện CPH các DN cấp thoát nước, thực hiện Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định thực hiện chuyển thành công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không giữ cổ phần tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục DN có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020 (năm 2017 có 21 công ty cấp, thoát nước; năm 2018 có 30 công ty; năm 2019 có 15 công ty; năm 2020 có 11 công ty) và Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại DNNN, DN có vốn Nhà nước đối với lĩnh vực cấp thoát nước; Kiến nghị:

Kết quả khảo sát thực trạng CPH các DN cấp thoát nước được Hội Cấp Thoát nước Việt Nam tiến hành trong khoảng tháng 9 – 10/2017 để hình thành Báo cáo này trước khi Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển DNNN và công ty TNHH MTV do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (ban hành thay thế các Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, số 189/2013/NĐ-CP, số 116/2015/NĐ-CP ...). Do vậy có một số nội dung vướng mắc, bất cập mà Báo cáo này nêu tại phần đánh giá thực trạng ở trên đã được xử lý phù hợp với kiến nghị của Hội Cấp Thoát nước Việt Nam như:

- Bổ sung thêm phương pháp bán cổ phần lần đầu.
- Không quy định khống chế cụ thể mức chi phí thực hiện CPH.
- Xác định giá trị thương hiệu đã chú ý đến bề dày truyền thống của DN.v.v.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn một số vướng mắc đối với lĩnh vực cấp thoát nước nên Hội Cấp Thoát nước Việt Nam xin kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ngành xem xét:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch;

- Hướng dẫn cụ thể Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ để thi hành từ ngày 01/01/2018.

Xin kiến nghị những nội dung cụ thể như sau:

- **Thứ nhất:** Về các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: Cần bổ sung tiêu chí đầu tiên khi lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phải là nhà đầu tư có cùng ngành nghề kinh doanh với DN CPH (đối với lĩnh vực cấp thoát nước phải là cùng ngành nghề cấp thoát nước), có thời gian, kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực cấp thoát nước; sau đó mới đến các tiêu chí về tài chính và các tiêu chí khác. Quy định cụ thể nội dung cam kết của nhà đầu tư chiến lược về phát triển DN sau CPH gắn với chế tài cụ thể khi nhà đầu tư chiến lược vi phạm các cam kết của mình. Từ tiêu chí chung đó, cơ quan có thẩm quyền có hướng dẫn cụ thể cho phép từng ngành nghề (trong đó có lĩnh vực cấp, thoát nước) xây dựng các tiêu chí cụ thể để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phù hợp với ngành mình khi tiến hành CPH. Mặt khác, cần có hướng dẫn cụ thể các tiêu chí nhà đầu tư là DN trong nước có liên danh với nhà đầu tư nước ngoài.
- **Thứ hai:** Sửa đổi, bãi bỏ quy định bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược theo hình thức thỏa thuận về giá trước khi bán đấu giá công khai, thay bằng thực hiện theo hình thức bán đấu giá công khai cùng với các nhà đầu tư thông thường khác nhằm bảo đảm tính minh bạch, bình đẳng trong mua bán, tránh thất thoát và ngăn ngừa tình trạng “lợi ích nhóm”.

Có cơ chế quản lý nhà đầu tư trong nước mua cổ phần sau đó bán lại cho nhà đầu tư nước ngoài (đã xuất hiện 1 trường hợp trong các DN được khảo sát).

- **Thứ ba:** Do tính đặc thù của ngành cấp thoát nước, đặc biệt là ngành nước có khoảng 2/3 giá trị tài sản nằm dưới lòng đất, được đầu tư vào các thời kỳ khác nhau; vì vậy đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn riêng cho ngành cấp thoát nước hoặc hướng dẫn chung cho các ngành thực hiện:
 - Đối với loại tài sản, công cụ, dụng cụ đã hết thời hạn khấu hao, giá trị của tài sản đã phân bổ hết vào giá trị sản phẩm thì xác định lại giá trị để có giá trị mới tính vào giá trị DN theo nguyên tắc thị trường, ít nhất không thấp hơn giá trị thu hồi tài sản đó tại thời điểm đánh giá lại.

- Đối với chất lượng tài sản đang sử dụng, cần đánh giá lại theo thực tế về chất lượng còn lại, hệ số lỗi thời, lạc hậu... để tính giá trị tài sản còn lại. Không quy định cứng nhắc (thiếu tính thị trường) ở mức không thấp hơn 20% đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và không thấp hơn 30% đối với nhà cửa, vật kiến trúc so với tài sản cùng loại mua sắm mới.

• **Thứ tư:** Đề nghị tăng mức bán cổ phần ưu đãi cho người lao động so với hiện nay và bổ sung việc được mua tăng thêm cho đối tượng lao động quản lý trong DN; cụ thể:

- Tăng cho người lao động được mua tối đa 100 cổ phần lên ít nhất là 200 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước.

- Tăng mức cho người lao động thuộc đối tượng DN cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho DN trong thời hạn ít nhất là 03 năm được mua thêm cổ phần ưu đãi lên 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong DN, tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao làm việc tại DN được mua tăng thêm lên mức 1.000 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong DN, tối đa không quá 10.000 cổ phần cho một người lao động.

- Bổ sung cho lao động quản lý trưởng, phó phòng và chức vụ tương đương được mua thêm theo mức 1.500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong DN, tối đa không quá 20.000 cổ phần cho một người.

- Bổ sung cho Ban giám đốc và kế toán trưởng được mua thêm theo mức 2.000 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong DN, tối đa không quá 20.000 cổ phần cho một người

• **Thứ năm:** Ban hành quy định và hướng dẫn cụ thể các phương pháp xác định giá trị DN ngoài 2 phương pháp hiện hành là phương pháp tài sản và dòng tiền chiết khấu; cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh 2 phương pháp xác định giá trị DN hiện hành:

+ Đối với phương pháp tài sản: Khi đánh giá lại giá trị thị trường của tài sản cần theo hướng cụ thể: Tùy theo từng loại tài sản, điều kiện sử dụng tài sản, thời hạn sử dụng tài sản, chất lượng và giá trị sử dụng của tài sản gắn với diễn biến cung cầu, giá cả thị trường mà cho phép mở rộng các phương pháp phù

hợp, bảo đảm nguyên tắc cao nhất là nguyên tắc thị trường (nhất là các loại tài sản đặc biệt, đặc thù...).

Khi xác định giá trị tài sản vô hình: Phải tính đúng, tính đủ toàn bộ tài sản vô hình của DN, trong đó có cả những tài sản vô hình chưa được thể hiện trên sổ sách. Thay thế quy định tính toán giá trị lợi thế kinh doanh hiện nay bằng phương pháp định lượng lợi thế thương mại và phương pháp khác phù hợp.

+ Đối với phương pháp dòng tiền chiết khấu:

(i) Khi quy định ước tính dòng tiền tương lai cần phải căn cứ vào kế hoạch và chiến lược kinh doanh sắp tới; thời hạn ước tính dòng tiền tương lai cần tăng hơn so với quy định (3 – 5 năm) hiện nay. Phương pháp này chỉ nên sử dụng dòng tiền quá khứ như một dữ liệu quan trọng tham khảo khi phân tích giá trị DN, chứ không phải là căn cứ duy nhất để xác định giá trị DN như quy định hiện nay. Bởi vì khi thực hiện CPH là chuyển đổi sở hữu Nhà nước thành công ty cổ phần, là sự thay đổi về chất của DN, khác với quá khứ khi chưa CPH.

(ii) Khi quy định đã tính theo dòng tiền tương lai của chủ sở hữu hay của cả DN thì không tính các giá trị lợi thế kinh doanh khác, vì các giá trị lợi thế đó đã được hình thành và phản ánh trong dòng tiền tương lai.

- Trong xác định giá trị DN, cần quy định việc sử dụng nhiều cách tiếp cận (cách tiếp cận thị trường, cách tiếp cận chi phí, cách tiếp cận thu nhập...) ứng với nhiều phương pháp xác định giá trị DN. Cần thiết quy định khi xác định giá trị DN phải áp dụng ít nhất 2 phương pháp (một phương pháp chính và một phương pháp có tính chất kiểm tra, đối chiếu); trong số ít nhất 2 phương pháp áp dụng, bắt buộc phải áp dụng phương pháp tài sản, coi kết quả xác định giá từ phương pháp này như là giá trị DN tối thiểu (giá sàn); đồng thời hướng dẫn kỹ việc lựa chọn mức giá chuẩn khi kết quả xác định giá từ các phương pháp khác nhau đưa lại mức giá DN khác nhau.

- **Thứ sáu:** Sửa đổi cơ chế thỏa thuận giữa chính quyền địa phương với DN cấp nước về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ, thay bằng cơ chế: Chính quyền địa phương ký kết hợp đồng với DN cấp nước, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn gắn với chế tài trong việc sản xuất và cung ứng nước sạch.

Cụ thể hóa trách nhiệm của chính quyền địa phương theo quy định của Luật Tài nguyên Nước: “...thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước sinh hoạt hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước” (khoản 2, Điều 45); “Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ thu hồi giấy phép về tài nguyên nước” (mục e, khoản 11, Điều 71).

- **Thứ bảy:** Tuy lộ trình thoái vốn Nhà nước từ nay đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ quy định, nhưng trong điều kiện các chế tài đối với sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch chưa đầy đủ, cần tham khảo thêm kinh nghiệm của các nước để cân nhắc thêm lộ trình cho phù hợp, tránh tình trạng có những quốc gia mà Nhà nước đã thoái vốn 100%, nhưng khoảng 5 – 10 năm sau lại phải tiến hành “mua lại” vì lý do an toàn cấp nước...
- **Thứ tám:** Tuân thủ và thực hiện đúng nguyên tắc định giá tiêu thụ nước sạch và giá dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật là: Tính đúng, tính đủ; đảm bảo bù đắp chi phí sản xuất kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường... kịp thời điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi, không lồng ghép chính sách xã hội trong giá và buộc DN phải thực hiện...

Phu lục 1: DANH SÁCH CÁC DN ĐÃ GỬI PHIẾU TRẢ LỜI KHẢO SÁT

Số TT	Tên doanh nghiệp	Tỉnh/TP
1	Công ty CP cấp nước Điện Biên	Điện Biên
2	Cty CP Nước Thủ Dầu Một	Bình Dương
3	Cty CP Nước sạch Lai Châu	Lai Châu
4	Cty CP SX KD Nước sạch số 3 Hà Nội	Hà Nội
5	Cty CP CTN – Công trình Đô thị Hậu Giang	Hậu Giang
6	Cty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk	Đắk Lắk
7	Cty CP Cấp nước Hải Phòng	Hải Phòng
8	Cty CP Công trình công cộng và DVDL Hải Phòng	Hải Phòng
9	Cty CP CTN Cần Thơ	Cần Thơ
10	Cty CP Đô thị Ninh Hòa	Khánh Hòa
11	Cty CP Nước – Môi Trường Bình Dương	Bình Dương
12	Cty CP Cấp thoát nước Bến Tre	Bến Tre
13	Cty CP Cấp thoát nước Bình Phước	Bình Phước
14	Cty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	Bình Thuận
15	Cty CP KD Nước sạch Hải Dương	Hải Dương
16	Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang	Kiên Giang
17	Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa	Thanh Hóa
18	Cty CP Nước sạch Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc
19	Cty TNHH MTV Thoát nước và PT hạ tầng đô thị Thái Nguyên	Thái Nguyên
20	Cty TNHH MTV Thoát nước đô thị TP. HCM	TP. HCM
21	Cty CP Cấp nước Bạc Liêu	Bạc Liêu
22	Cty CP Cấp thoát nước Phú Yên	Phú Yên
23	Cty CP Nước sạch Thái Nguyên	Thái Nguyên
24	Cty CP Cấp nước và Xây dựng Yên Bái	Yên Bái
25	Cty CP Cấp nước và PT đô thị Đắk Nông	Đắk Nông
26	Cty CP Môi trường và Công trình đô thị Huế	Huế
27	Cty CP Nước sạch Bắc Ninh	Bắc Ninh

28	Cty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng	Cao Bằng
29	Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang	Tuyên Quang
30	Cty CP Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
31	Cty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk	Đắk Lắk
32	Cty CP Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá	Thanh Hoá
33	Cty CP Nước sạch Quảng Trị	Quảng Trị
34	Cty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng	Sóc Trăng
35	Cty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc	Lâm Đồng
36	Cty CP Điện Nước An Giang	An Giang
37	Cty CP Cấp nước Ninh Thuận	Ninh Thuận
38	Cty TNHH MTV Thoát nước và PT đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Vũng Tàu
39	Cty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc
40	Cty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp	Đồng Tháp
41	Cty CP Cấp nước Quảng Bình	Quảng Bình
42	Cty CP Vinaconex Dung Quất	Quảng Ngãi
43	Cty CP Nước sạch Hoà Bình	Hoà Bình
44	Cty CP Cấp nước Cần Thơ 2	Cần Thơ
45	Cty CP Cấp nước Vĩnh Long	Vĩnh Long
46	Cty CP Môi trường và Dịch vụ đô thị Sơn La	Sơn La
47	Cty CP Cấp thoát nước Bình Định	Bình Định
48	Cty CP Cấp thoát nước Trà Vinh	Trà Vinh

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỔ PHẦN HÓA TRONG LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC SINH HOẠT ĐÔ THỊ

PHẦN THỨ NHẤT: THỰC TRẠNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA CÁC DOANH NGHIỆP CẤP THOÁT NƯỚC

I. Thực trạng kết quả thực hiện cổ phần hóa (CPH):

- Thực hiện chủ trương CPH các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trong lĩnh vực cấp thoát nước: Lĩnh vực cấp nước đã bắt đầu tiến hành CPH từ năm 2005, lĩnh vực thoát nước tiến hành CPH muộn hơn nhiều so với lĩnh vực cấp nước.
- Đến nay các doanh nghiệp (DN) chưa thực hiện CPH đã và đang tiến hành thực hiện kế hoạch CPH theo lộ trình được duyệt; những DN đã CPH tiếp tục thực hiện kế hoạch thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017 – 2020 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Kết quả số lượng các DN đã CPH ở từng lĩnh vực như sau:

- Đối với lĩnh vực cấp nước:

Tính đến tháng 9/2017, cả nước có 111 DN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng nước sạch cho các đô thị với tổng công suất thiết kế của các nhà máy đạt trên 8,5 triệu m³/ngày-đêm. Trong đó đã có 101 DN được CPH và Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức độ khác nhau: Có những DN nhà nước chỉ nắm giữ dưới 50%, có những DN nhà nước nắm giữ từ 51% trở lên, thậm chí có DN nhà nước nắm giữ trên 90% cổ phần. Đáng chú ý là có 6 DN nhà nước đã thoái vốn 100%; Đồng thời, một số DN đã có nhà đầu tư nước ngoài tham gia như: Công ty Cổ phần BOO Nhà máy Nước Thủ Đức (nhà đầu tư Manila Water nắm giữ 49% cổ phần), Công ty CP Cấp nước Kinh Đông (Manila Water mua lại 47% cổ phần)...

- Đối với lĩnh vực thoát nước:

Tính đến tháng 9/2017, cả nước có 71 DN đảm nhiệm dịch vụ thoát nước; 69 nhà máy xử lý nước thải đô thị với tổng công suất thiết kế là 2.315.150 m³/ngày-đêm (trong đó có 41 nhà máy xử lý nước thải đô thị đang hoạt động với tổng công suất 950.000 m³/ngày-đêm, 28 nhà máy đang trong quá trình xây dựng hoặc chạy thử nghiệm với tổng công suất thiết kế là 1.375.000 m³/ngày-đêm. Trong đó:

- (i) 39 DN đã CPH và Nhà nước nắm giữ trên 50% cổ phần;
- (ii) 3 DN được đầu tư theo hình thức BOT và BOO;
- (iii) 29 DN hoạt động theo hình thức Công ty TNHH MTV với 100% vốn thuộc sở hữu Nhà nước.

II. Những thành công trong quá trình CPH.

1/ Những thành công chung của CPH so với khi chưa CPH:

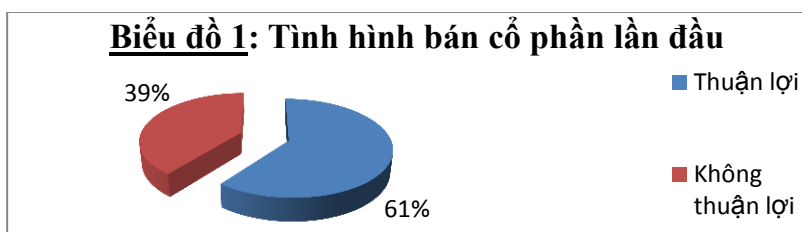
Đối với Nhà nước	Đối với DN	Đối với người lao động	Đối với khách hàng
<ul style="list-style-type: none"> - Thu được nguồn tài chính từ việc thoái vốn để đầu tư phát triển đất nước. - Không phải chi Ngân sách để đầu tư, cho DN hoạt động. - Thu Ngân sách tăng hơn. - Quản lý DN phù hợp với thể chế kinh tế thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động được nguồn vốn thuận lợi hơn. - Quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh được tôn trọng. - Hiệu quả sản xuất - kinh doanh cao hơn. - Tính minh bạch trong hoạt động được nâng cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi cao hơn, vì vậy tạo được động lực làm việc tốt hơn. - Trở thành người chủ thực sự nên trách nhiệm đối với sự tồn tại và phát triển của DN cao hơn. - Được quan tâm đào tạo, nâng cao tay nghề... 	<ul style="list-style-type: none"> - Được cung ứng dịch vụ đủ về số lượng, tốt về chất lượng. - Được thụ hưởng chính sách chăm sóc khách hàng tốt hơn trong quá trình sử dụng dịch vụ.

2/ Những thành công cụ thể so với khi chưa CPH:

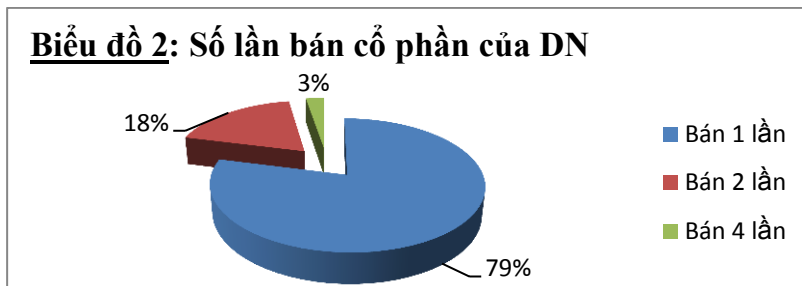
2.1. *Quá trình thực hiện CPH, kết quả bán cổ phần của các DN diễn ra cơ bản thuận lợi:*

Trong 38 DN đã CPH có ý kiến trả lời về vấn đề này trong số 48 DN gửi phiếu khảo sát về Hội Cấp Thoát nước thì:

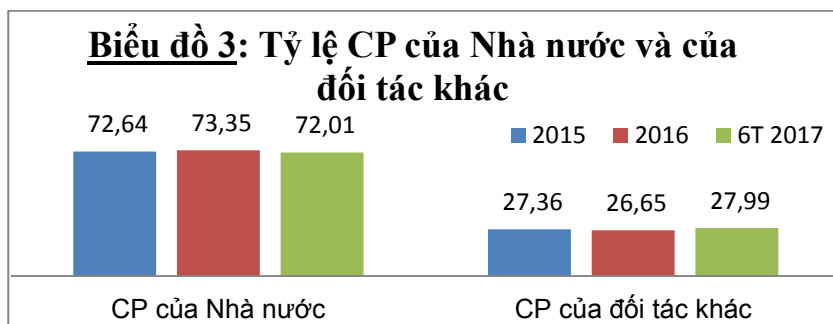
- Số DN bán cổ phần lần đầu diễn ra thuận lợi chiếm 61%, không thuận lợi chiếm 39%.



- Số DN bán cổ phần 1 lần thành công chiếm 79%, số DN phải bán 2 chiếm 18%, số DN phải bán 4 lần chiếm 3%.



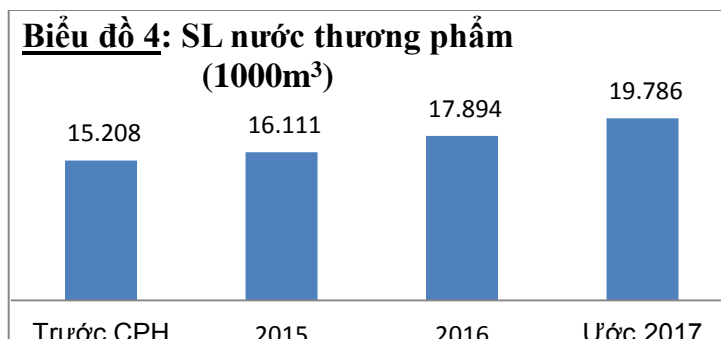
- Cơ cấu cổ phần bình quân trong 1 DN gồm: Tỷ lệ cổ phần bình quân do Nhà nước nắm giữ trên 70%, của các đối tác khác gần 30%.



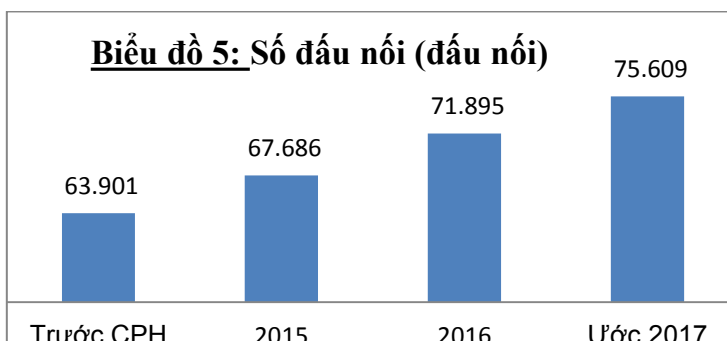
2.2. Sản xuất kinh doanh sau CPH có những chuyển biến tích cực, nhiều chỉ tiêu có tốc độ tăng trưởng cao so với trước khi CPH:

2.2.1. Đối với các DN cấp nước:

- Sản lượng nước thương phẩm tính bình quân 1 DN tăng khá mạnh. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 5,93%.
 - Năm 2016 tăng 17,66%.
 - Ước tính năm 2017 tăng 30%.

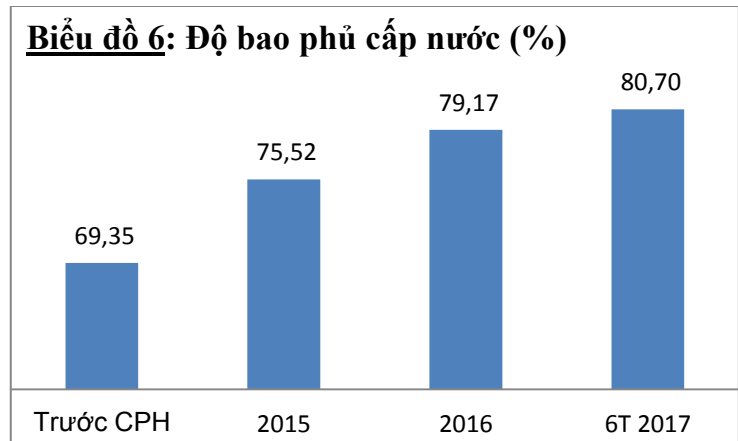


- Số đầu nổi bình quân 1 DN cũng tăng khá. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 5,92%.
 - Năm 2016 tăng 12,51%.
 - Ước tính năm 2017 tăng 18,32%



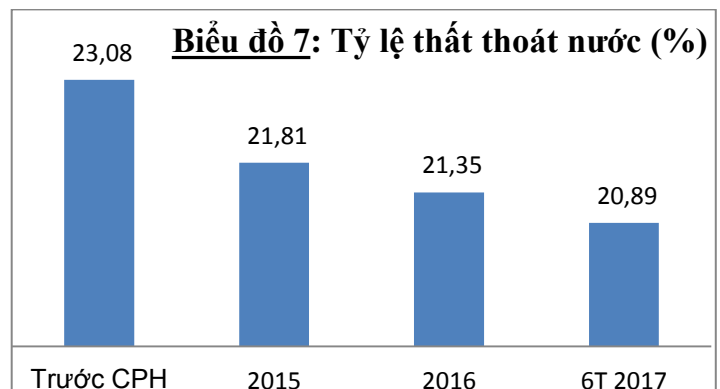
- Độ bao phủ cấp nước tính bình quân 1 DN tăng khá. Cụ thể:

- Năm 2015 tăng so với 6,17 điểm %.
- Năm 2016 tăng 9,82 điểm %.
- 6 tháng đầu năm 2017 tăng 11,35 điểm %.



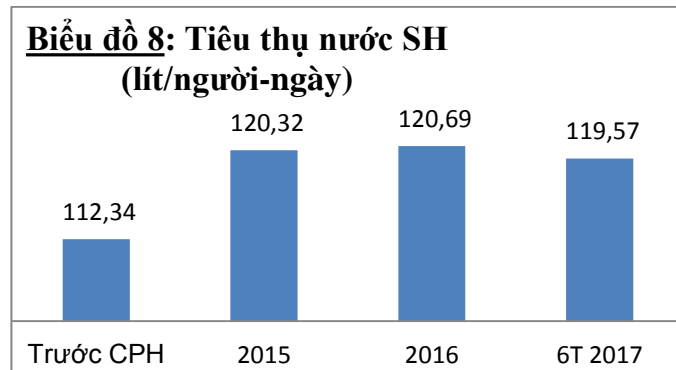
- Tỷ lệ thất thoát nước tính bình quân 1 DN giảm rất đáng kể. Cụ thể:

- Năm 2015 giảm 1,27 điểm %.
- Năm 2016 giảm 1,73 điểm %.
- 6 tháng đầu năm 2017 giảm 2,19 điểm %.



- Tỷ lệ cấp nước cho nhu cầu tiêu dùng bình quân đầu người tăng khá. Cụ thể:

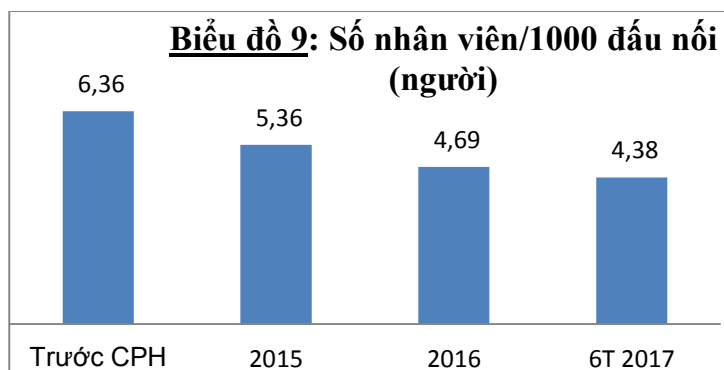
- Năm 2015 tăng 7,1%.
- Năm 2016 tăng 7,43%.
- 6 tháng đầu năm 2017 tăng 6,44%



- Số giờ cung cấp nước trong ngày đạt khoảng 23,6/24 giờ cả ở thời gian trước và sau khi CPH.

- Số nhân viên tính trên 1000 đầu nối bình quân 1 DN giảm mạnh. Cụ thể:

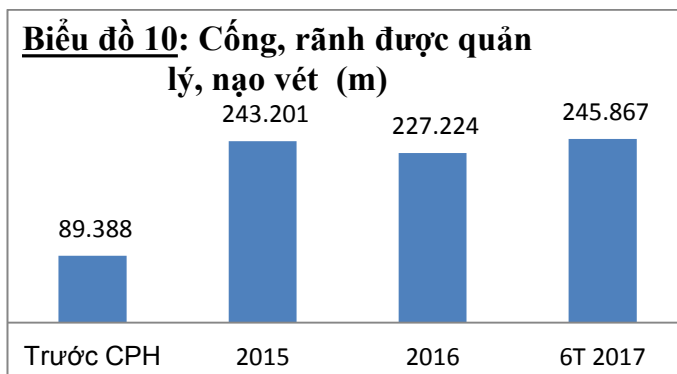
- Năm 2015 giảm 15,79%.
- Năm 2016 giảm 26,24%.
- 6 tháng đầu năm 2017 giảm 31,18%.



2.2.2. Đối với các DN thoát nước:

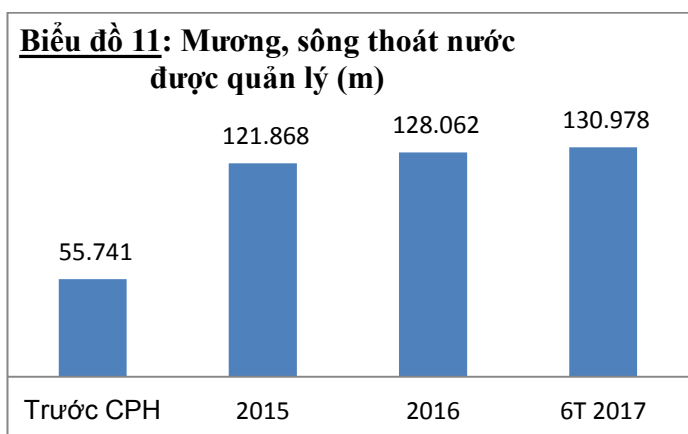
- Tổng chiều dài cống, rãnh được quản lý, nạo vét bình quân 1 DN tăng rất mạnh. Cụ thể:

- Năm tăng 172,07%.
- Năm 2016 tăng 154,2%.
- 6 tháng đầu năm 2017 tăng 175,06%.



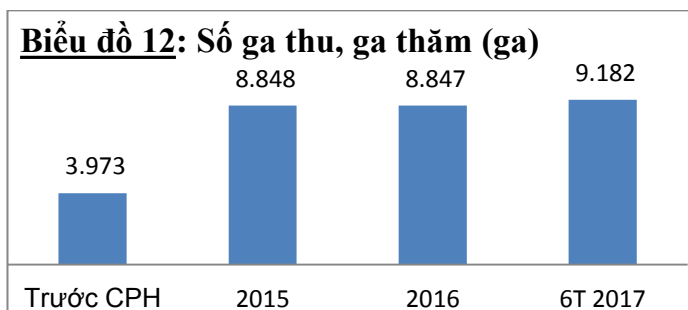
- Tổng chiều dài mương, sông thoát nước được quản lý bình quân 1 DN cũng tăng mạnh. Cụ thể:

- Năm 2015 tăng 118,63%.
- Năm 2016 tăng 129,75%.
- 6 tháng đầu năm 2017 tăng 134,98%.



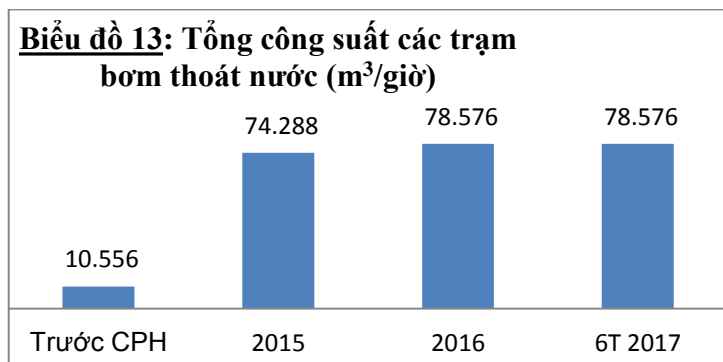
- Tổng số ga thu, ga thăm bình quân 1 DN tăng mạnh. Cụ thể:

- Năm 2015 tăng 122,69%.
- Năm 2016 tăng 122,69%.
- 6 tháng đầu năm 2017 tăng 131,1%.

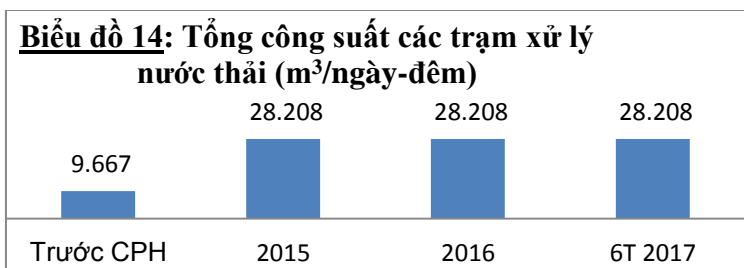


- Tổng công suất các trạm bơm thoát nước bình quân 1 DN tăng rất mạnh. Cụ thể:

- Năm 2015 tăng 603,75%.
- Năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 tăng 644,37%.

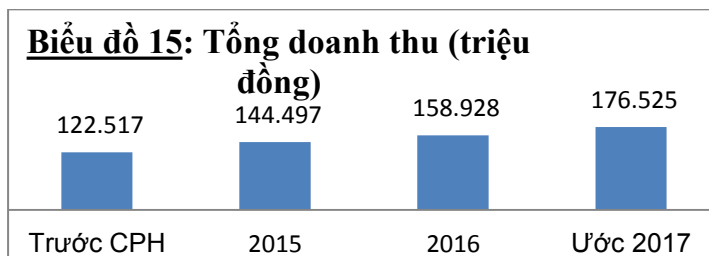


- Tổng công suất các trạm xử lý nước thải bình quân 1 DN cũng tăng rất mạnh. Cụ thể: Giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6/2017 tăng 191,8%.

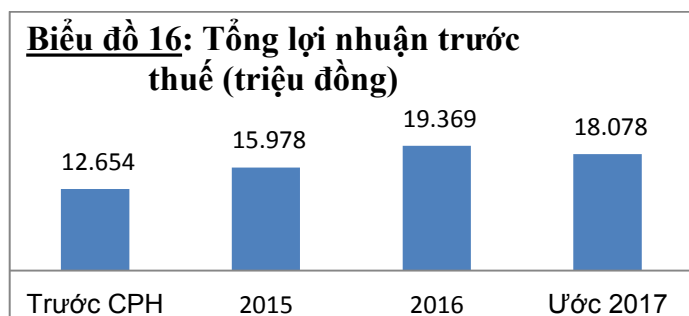


2.3. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng, tình hình tài chính được cải thiện, so với trước CPH:

- Doanh thu bình quân 1 DN tăng mạnh. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 17,94%.
 - Năm 2016 tăng 29,72%.
 - Ước năm 2017 tăng 44,08%.

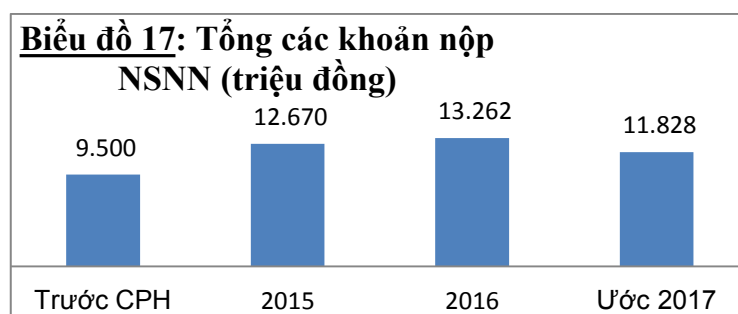


- Tổng lợi nhuận trước thuế bình quân 1 DN đạt mức tăng khá. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 26,27%.
 - Năm 2016 tăng 53,07%.
 - Ước năm 2017 tăng 42,87%.

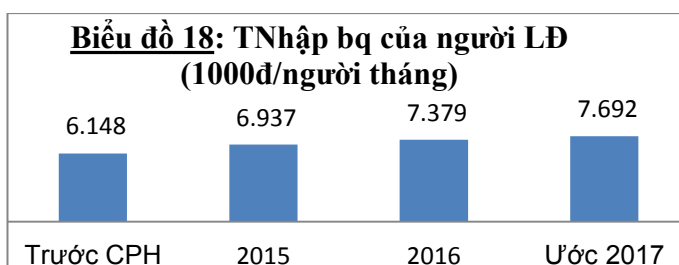


- Tổng các khoản nộp Ngân sách Nhà nước bình quân 1 DN cũng tăng khá so với trước khi CPH:

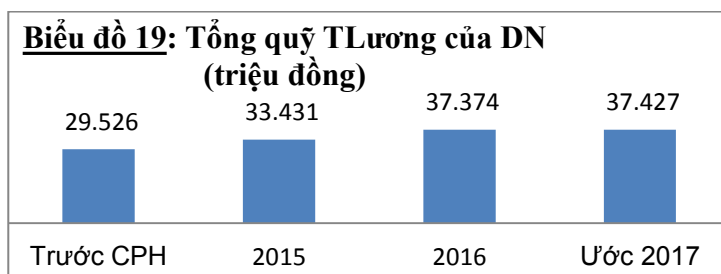
- Tổng các khoản nộp Ngân sách Nhà nước bình quân 1 DN cũng tăng khá. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 33,37%.
 - Năm 2016 tăng 39,6%.
 - Ước năm 2017 tăng 24,51%.



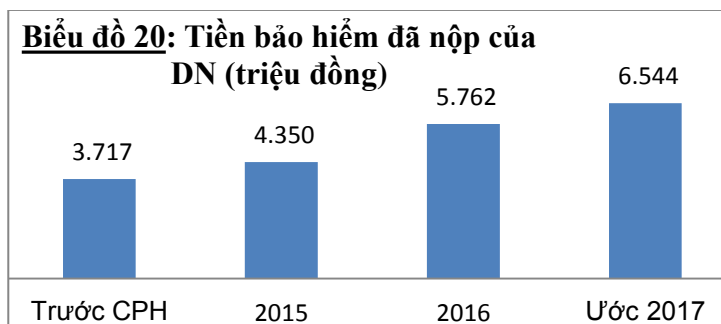
- Thu nhập bình quân của người lao động tăng cao. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 12,83%.
 - Năm 2016 tăng 20,02%.
 - Ước năm 2017 tăng 25,11%



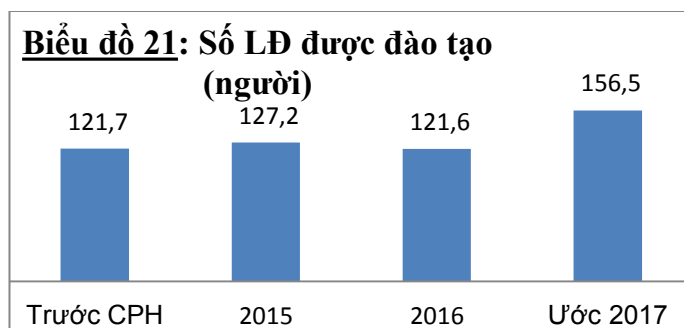
- Tổng quỹ lương bình quân 1 DN cũng tăng cao. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 13,23%.
 - Năm 2016 tăng 26,58%.
 - Ước năm 2017 tăng 26,76%.



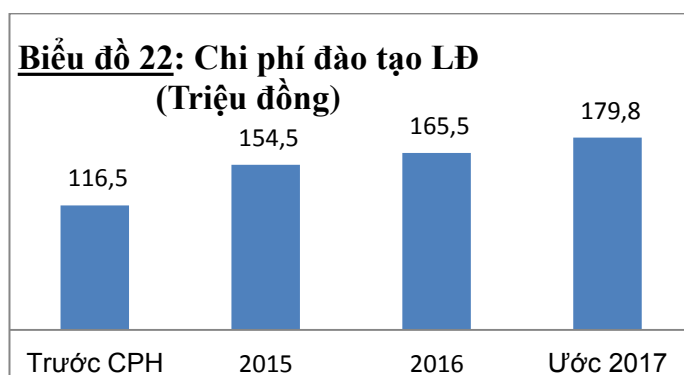
- Tổng tiền bảo hiểm đã nộp bình quân 1 DN cũng tăng cao. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 17,03%.
 - Năm 2016 tăng 55,03%.
 - Ước năm 2017 tăng 76,05%.



- Số lao động được đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn bình quân 1 DN cũng tăng. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 4,48%.
 - Năm 2016 giảm 0,11%.
 - Ước năm 2017 tăng 28,59%.



- Chi phí đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của lao động bình quân 1 DN cũng tăng khá mạnh. Cụ thể:
 - Năm 2015 tăng 32,6%.
 - Năm 2016 tăng 42,07%.
 - Ước năm 2017 tăng 54,35%.



III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình CPH.

- **Thứ nhất:** Những vấn đề liên quan đến tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:
 - Việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược gặp khó khăn: 58% DN được khảo sát không tìm được nhà đầu tư chiến lược do các nhà đầu tư không “mặn mà” với

dịch vụ công ích, với chính sách an sinh xã hội trong giá dịch vụ ở một số địa phương...

- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược với tiêu chí đầu tiên “có năng lực tài chính” mà không phải là nhà đầu tư cùng ngành nghề với DN cấp thoát nước CPH là chưa hợp lý (kể cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư trong nước liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài). Chính vì vậy, đã xuất hiện tình trạng nhà đầu tư chỉ quan tâm đến lợi nhuận, ít quan tâm tới việc đầu tư (thậm chí không đầu tư) mở rộng mạng lưới cấp nước đến những vùng, khu vực mang lại lợi nhuận thấp.
- Chưa có chế tài để xử lý các vi phạm của nhà đầu tư chiến lược khi họ không thực hiện các cam kết của mình đối với DN sau CPH, đặc biệt là trách nhiệm phát triển DN, trách nhiệm với người lao động, trách nhiệm cung ứng nước an toàn...
 - **Thứ hai:** Những vấn đề liên quan đến việc bán cổ phần:
 - Quy định bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo hình thức thỏa thuận về giá trực tiếp trước khi đấu giá công khai của các nhà đầu tư thông thường khác là thiếu minh bạch, dễ dẫn đến hiện tượng “móc ngoặc”, phát sinh tiêu cực trong mua bán cổ phần.
 - Phương pháp bán cổ phần lần đầu chưa đa dạng.
 - Tỷ lệ bán cổ phần cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại DN vẫn còn thấp.
 - **Thứ ba:** Những vấn đề liên quan đến chi phí thực hiện CPH:

Quy định khống chế mức chi phí cụ thể bằng tiền để thực hiện CPH hiện nay là cứng nhắc, không phù hợp với điều kiện, quy mô của các DN khác nhau. Do đó, các DN khó triển khai (một số DN phản ánh riêng chi phí thuê tư vấn xác định giá trị DN đã bằng với mức quy định chi phí thực hiện CPH; trong trường hợp xây dựng mức chi phí vượt quy định cũng không được duyệt).
- **Thứ tư:** Các phương pháp xác định giá trị DN còn khá bất cập, vướng mắc:
 - Hiện nay đang quy định và có hướng dẫn kỹ 2 phương pháp: Tài sản và dòng tiền chiết khấu; đồng thời có quy định cho phép áp dụng các phương pháp khác theo thông lệ quốc tế. Nhưng lại không quy định phương pháp đó của quốc gia nào? Tổ chức nào?... dẫn đến sự không chặt chẽ về tính pháp lý, tiềm ẩn rủi ro cho các tổ chức tư vấn.
 - Hai phương pháp xác định giá trị DN hiện hành đã bộc lộ những hạn chế lớn như sau:

+ Việc quy định đánh giá lại giá trị tài sản đang sử dụng (kể cả tài sản đã hết khấu hao và tài sản chưa hết khấu hao) không theo giá trị thị trường mà áp theo tỷ lệ 20% - 30% so với giá trị tài sản mới là không hợp lý, nó đã đẩy giá trị tài sản tăng cao không phù hợp với nhiều trường hợp trong thực tế.

+ Giá trị thương hiệu quy định theo cách tính cộng dồn các chi phí xây dựng thương hiệu của 1 số năm liền kề, không tính đến yếu tố thời gian xây dựng và tồn tại của DN (nhiều DN đã có bề dày hàng trăm năm), không tính đến yếu tố thời gian của tiền, khả năng mua bán thương hiệu trên thị trường là chưa hợp lý. Với cách tính này, nhiều DN cấp thoát nước có giá trị thương hiệu bằng 0.

+ Giá trị tiềm năng phát triển được quy định phải đánh giá trên cơ sở tương quan giữa tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Nhà nước bình quân 3 năm trước thời điểm xác định giá trị DN với lãi suất trái phiếu Chính phủ là chưa hợp lý vì:

(i) Sử dụng dữ liệu quá khứ để tính cho tương lai là đánh giá giá trị DN “trong trạng thái tĩnh”, ít chú ý đến việc DN còn phát triển, hoàn thiện trong tương lai, đến các yếu tố sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả hơn trong tương lai sau khi CPH như: Vị trí thuận lợi trong sản xuất kinh doanh, các tiềm năng, nguồn lực phát triển của DN, hệ thống khách hàng...

(ii) Quy định đó có bất cập đối với loại dịch vụ chưa vận hành theo cơ chế thị trường (các DN thoát nước), còn đang bị ràng buộc là loại dịch vụ công ích, Nhà nước không chế lợi nhuận... Do đó tỷ suất lợi nhuận của loại hình DN này chưa phản ánh đúng bản chất của nó.

- **Thứ năm:** Giá tiêu thụ nước sạch, giá dịch vụ thoát nước của nhiều DN chưa được phê duyệt, điều chỉnh kịp thời khi các yếu tố hình thành giá thay đổi theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ và có mức lợi nhuận hợp lý (thực chất giá các loại dịch vụ này ở nhiều địa phương còn mang nặng chính sách an sinh xã hội buộc DN phải gánh chịu). Vì vậy, nguồn lực tài chính của những DN này gặp khó khăn. Đây cũng chính là nguồn gốc tạo ra hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao, không hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, Nhà nước khó thoái vốn...
- **Thứ sáu:** Thiếu cơ chế kiểm soát và các chế tài cụ thể của Nhà nước đối với việc bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước, thoát nước của các DN mà Nhà nước đã thoái vốn 100%, những DN mà Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối... nên đã tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong cung ứng dịch vụ.

PHẦN THỨ HAI: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Kiến nghị chung:

Kết quả khảo sát thực trạng CPH các DN cấp thoát nước được Hội Cấp Thoát nước Việt Nam tiến hành trong khoảng tháng 9 – 10/2017 để hình thành Báo cáo này trước khi Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển DNNN và công ty TNHH MTV do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (ban hành thay thế các Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, số 189/2013/NĐ-CP, số 116/2015/NĐ-CP ...). Do vậy có một số nội dung vướng mắc, bất cập mà Báo cáo này nêu tại phần đánh giá thực trạng ở trên đã được xử lý như:

- Bổ sung thêm phương pháp bán cổ phần lần đầu.
- Không quy định khống chế cụ thể mức chi phí thực hiện CPH.
- Xác định giá trị thương hiệu đã chú ý đến bề dày truyền thống của DN.v.v.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn một số vướng mắc đối với lĩnh vực cấp thoát nước nên Hội Cấp Thoát nước Việt Nam xin kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ngành xem xét:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch;
- Hướng dẫn cụ thể Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ để thi hành từ ngày 01/01/2018 và các văn bản khác có liên quan đến lĩnh vực cấp thoát nước.

2. Kiến nghị cụ thể:

- **Thứ nhất:** Cần bổ sung hướng dẫn rõ các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và một số chính sách liên quan đến nhà đầu tư chiến lược thông qua các quy định:
 - Do nước sạch là sản phẩm tối cần thiết cho đời sống của con người, phải được coi là ngành kinh doanh có điều kiện nên tiêu chí hàng đầu và quan trọng nhất khi lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (kể cả nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư trong nước liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài) phải là nhà đầu tư có cùng ngành nghề kinh doanh với DN cấp thoát nước khi CPH, có kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực cấp thoát nước (về thời gian, kinh nghiệm quản lý, vận hành...); sau đó mới đến tiêu chí về năng lực tài chính và các tiêu chí khác.

- Quy định cụ thể nội dung cam kết phát triển DN của nhà đầu tư chiến lược sau khi CPH gắn với các chế tài xử lý khi các nhà đầu tư chiến lược vi phạm các cam kết của mình (đặc biệt là các cam kết đảm bảo an ninh, an toàn và chất lượng nước...).
- Cơ chế cho phép bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược theo hình thức thỏa thuận: chỉ nên áp dụng thỏa thuận về lượng mua bán, còn về giá mua bán thì cần áp dụng cơ chế thực hiện bán đấu giá công khai cùng với các nhà đầu tư thông thường khác, nhằm bảo đảm tính minh bạch, bình đẳng giữa các nhà đầu tư, tránh thất thoát vốn nhà nước, ngăn ngừa tình trạng “lợi ích nhóm” trong mua bán cổ phần.
- Từ các tiêu chí chung nêu trên, cho phép cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực cấp thoát nước hướng dẫn từng ngành, nghề, lĩnh vực có DN CPH xây dựng các tiêu chí cụ thể để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phù hợp với ngành, lĩnh vực cấp thoát nước khi tiến hành CPH.
- **Thứ hai:** - Sửa đổi hai phương pháp xác định giá trị DN hiện hành: Không quy định tỷ lệ cứng nhắc khi đánh giá giá trị còn lại của tài sản mà thay bằng nguyên tắc phù hợp với giá trị thị trường (riêng tài sản đã hết khấu hao nhưng DN vẫn sử dụng cũng đánh giá theo nguyên tắc thị trường, nhưng ít nhất không thấp hơn giá trị thu hồi tài sản đó tại thời điểm đánh giá lại).
 - Sửa đổi quy định về tính toán giá trị lợi thế kinh doanh (bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển); đồng thời quy định và hướng dẫn thêm các phương pháp xác định giá trị DN phù hợp với thông lệ quốc tế (5 phương pháp).
- **Thứ ba:** Cần tăng mức bán cổ phần ưu đãi cho người lao động ở mức cao hơn ít nhất là gấp đôi hiện nay (có 81% DN được khảo sát đề nghị) và bổ sung việc được mua cổ phần tăng thêm cho đối tượng lao động quản lý trong DN (cần hướng dẫn cụ thể hóa cho từng loại cấp bậc lao động quản lý trong DN), tạo điều kiện cho người lao động khẳng định quyền làm chủ thực sự của mình, nâng cao hơn trách nhiệm của họ gắn với sự tồn tại và phát triển của DN...
- **Thứ tư:** Ủy ban Nhân dân các tỉnh/thành phố cần tuân thủ và thực hiện đúng nguyên tắc định giá, điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch và giá dịch vụ thoát nước kịp thời khi các yếu tố hình thành giá thay đổi theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ, đảm bảo bù đắp chi phí sản xuất kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận hợp lý phù hợp với mặt bằng giá thị trường... Không lồng ghép

chính sách an sinh xã hội trong giá dịch vụ buộc các DN phải thực hiện. Trong trường hợp chính quyền địa phương muốn mua dịch vụ cấp thoát nước do DN cung ứng để thực hiện chính sách an sinh cho người dân trên địa bàn thì phải trả đúng, đủ, kịp thời giá dịch vụ cho DN.

- **Thứ năm:** Đề nghị sửa đổi một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch để bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước như sau:
 - Do nước sạch là sản phẩm tối quan trọng đối với đời sống con người nên phải được quy định là ngành kinh doanh đặc thù, ngành kinh doanh có điều kiện. Thay cơ chế thỏa thuận sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch giữa chính quyền địa phương với DN cấp nước bằng cơ chế ký kết hợp đồng giữa chính quyền địa phương với DN cấp nước. Đây là hợp đồng pháp lý quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi bên gắn với chế tài cụ thể.
 - Cụ thể hóa trách nhiệm của chính quyền địa phương phải bảo đảm cấp nước cho người dân theo quy định của Luật Tài nguyên Nước: “...thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước sinh hoạt hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước” (khoản 2, Điều 45); Đồng thời, cụ thể hóa quyền của chính quyền địa phương đối với lĩnh vực cấp nước khi các DN vi phạm hợp đồng cam kết bằng các chế tài quy định tại Luật Tài nguyên Nước như: “Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ thu hồi giấy phép về tài nguyên nước” (mục e, khoản 11, Điều 71).
- **Thứ sáu:** Tuy lộ trình thoái vốn Nhà nước từ nay đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ quy định đối với lĩnh vực cấp thoát nước, nhưng trong điều kiện các chế tài đối với lĩnh vực cấp thoát nước chưa đầy đủ (đặc biệt là đối với việc cấp nước an toàn...), đề nghị cần tham khảo thêm kinh nghiệm của các nước để cân nhắc, hướng dẫn thực hiện lộ trình, phương thức thoái vốn cho phù hợp, tránh tình trạng có những quốc gia, nhà nước đã thoái vốn 100%, nhưng khoảng 5 – 10 năm sau đó lại phải tiến hành “mua lại” vì lý do an toàn cấp nước.

HỘI CẤP THOÁT NƯỚC VIỆT NAM.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
(BIWASE - MÃ CK: BWE)

CỔ PHẦN HÓA

THUẬN LỢI VÀ THÁCH THỨC

NGUYỄN VĂN THIÊN

CHỦ TỊCH HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
(BIWASE - MÃ CK: BWE)



• VỀ CHỦ TRƯỞNG

Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành T.Ư Đảng lần thứ 5 (khóa XII) về “*Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” và

Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành T.Ư Đảng lần thứ 5 (khóa XII) về “*Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*” (DNNN)



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
(BIWASE - MÃ CK: BWE)



- Doanh nghiệp (DN) tư nhân đóng góp lớn cho ngân sách quốc gia mà Nhà nước (NN) không tốn công quản lý nhiều;

- Vốn FDI: đem lại nhiều lợi ích, nhưng nhà đầu tư khai thác nhiều tài nguyên VN và được hưởng nhiều ưu đãi từ Chính phủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
(BIWASE - MÃ CK: BWE)

- DNNN: sử dụng quá nhiều nguồn lực quốc gia:

- ❖ *Tiền vốn;*
- ❖ *Tài nguyên (khoáng sản, đất đai...);*
- ❖ *Bộ máy quản lý NN rất lớn nhưng đóng góp cho ngân sách chưa tương xứng.*



⇒ NN đầu tư không có lãi, lãi ít, thậm chí thất thoát vốn. ⇒ Chủ trương NN nhanh chóng CPH, sắp xếp chuyển đổi DNNN là phù hợp với xu thế chung của thế giới và cơ chế thị trường.



Kết quả/Hiệu quả bước đầu của các DNNN được CPH

1. NN thu lại vốn/không chôn vốn vào những lĩnh vực mà XH có thể làm;
2. Giảm nhẹ công tác quản lý;
3. NN giảm nhẹ sự bảo trợ \Rightarrow dùng nguồn lực bảo trợ đó để làm những việc cần thiết;
4. Lợi nhuận tăng thêm: NN được thu lãi trên vốn đầu tư;



5. Người quản lý phải nỗ lực điều hành (không được trì trệ), có sự giám sát chặt chẽ của HĐQT;
6. Minh bạch trong quản trị, kinh doanh và điều hành;
7. Những vấn đề khó khăn gặp phải khi điều hành được giải quyết nhanh chóng do HĐQT quyết định;
8. Huy động nguồn vốn thuận tiện để đầu tư;
9. Nỗ lực tăng trưởng doanh thu, làm tốt công tác, dịch vụ chăm sóc KH, mở rộng mạng lưới CN;
10. Minh bạch số liệu (báo cáo tài chính công khai, bắt buộc theo quy định....).



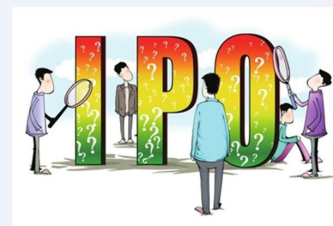


Một số khó khăn cho các DNNN khi CPH

1. Một vài trường hợp DN cổ phần hóa chưa tìm được nhà đầu tư tâm huyết với ngành/lĩnh vực kinh doanh của đơn vị mình;
2. Vốn NN còn sở hữu CP chiếm tỉ lệ đa số thì cũng chưa làm thay đổi bản chất như mong đợi mà còn khó khăn hơn cho DN do mang tên là công ty CP \Rightarrow không nhận được sự hỗ trợ ngân sách nào so với khi còn là doanh nghiệp TNHH 1TV.
3. Chưa quen cách quản trị mới (do từ cán bộ kỹ thuật mà ra) nên còn lúng túng, chưa xác định được phương án phát triển theo tình hình mới;



4. Vốn/các nguồn vốn DN vay ưu đãi như trước đây bị thu hẹp;
5. Một vài nơi cơ quan chủ quản (chính quyền) chưa quan tâm đầy đủ, phê duyệt giá nước sạch không theo cơ chế thị trường, nước sạch được xem như sản phẩm công ích, chưa quan tâm đến sự tồn vong của DN.





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG (BIWASE - MÃ CK: BWE)

Nguyên nhân

1. Tuy CPH có những khó khăn, chưa thuận lợi, có nguyên nhân chủ quan, có nguyên nhân khách quan và cách thực hiện trong quá trình tổ chức CPH còn nhiều bất cập. Nếu Chính phủ làm tốt hơn sẽ giảm thiểu được các khó khăn, bất cập.
2. Xét về nhiều khía cạnh khác, những thành công và thuận lợi của việc CPH vẫn là nổi trội.

Sau CPH, DN chủ động trong nguồn vốn đầu tư phát triển, làm giảm nợ công của NN.DN được chủ động hơn nhiều;



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG (BIWASE - MÃ CK: BWE)

NN thu hồi được vốn, lợi nhuận cao hơn (trả cổ tức theo NQ của ĐHCĐ thường niên), DN có trách nhiệm hơn với khách hàng của mình, nâng cao nhận thức phục vụ, bảo toàn vốn, hình thành đội ngũ doanh nhân đúng nghĩa điều hành doanh nghiệp theo cơ chế thị trường như những nước có nền kinh tế phát triển;





Kiến nghị

1. Tiếp tục thực hiện CPH theo các Quyết định của Chính phủ (Quyết định số **58/2016/QĐ-TTg** ngày 28/12/2016 về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số **1232/QĐ-TTg** ngày 17/08/ 2017 về Phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020);



2. Đối với DN cấp nước, môi trường (xử lý rác) là ngành nghề có tính chất đặc thù, vì thế nên chọn nhà đầu tư chiến lược cùng ngành nghề, có vốn và có tay nghề cao để nhà đầu tư chiến lược có thể hỗ trợ cho DN sau cổ phần về nhân sự cũng như cán bộ điều hành, quản lý có tay nghề cao;
3. Khi tiếp nhận đơn xin làm nhà đầu tư chiến lược thì DN cổ phần hóa cần yêu cầu Nhà đầu tư chiến lược này có phương án hỗ trợ, hợp tác để thúc đẩy DN phát triển một cách thuyết phục sau CPH và có kiểm tra đánh giá hiệu quả thực hiện phương án này.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
(BIWASE - MÃ CK: BWE)

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!

BÁO CÁO

CỔ PHẦN HOÁ NGÀNH NƯỚC – NHỮNG THUẬN LỢI VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Thiên Bắc

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình

1. Những thuận lợi:

Ngày 17/7/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 929/QĐ-TTg về “phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước”, trong đó doanh nghiệp cấp nước khi CPH nhà nước nắm giữ từ 65 – 75% vốn điều lệ.

Tháng 4/2014, UBND tỉnh Thái Bình có Quyết định phê duyệt phương án CPH tại công ty, trong đó nhà nước nắm giữ cổ phần là 70%. Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, sự phối hợp giúp đỡ của các ban ngành có liên quan, Công ty đã thực hiện thành công công tác CPH.

Ngày 01/01/2015, công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Tổng số có 302 cổ đông, trong đó Nhà nước nắm giữ 70%; hai nhà đầu tư chiến lược 10%; các cổ đông khác 20% (toàn bộ CBCNV công ty đều tham gia mua cổ phần).

Công ty có được thành công như trên, trong quá trình thực hiện gặp những thuận lợi như sau:

+ Sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh; phối hợp giúp đỡ nhiệt tình của các sở ban ngành có liên quan;

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến đến người lao động được thực hiện tốt; cách tổ chức tốt sẽ đẩy nhanh quá trình CPH;

+ Tình hình tài chính của doanh nghiệp rõ ràng, lành mạnh; công khai chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hàng năm; có bộ máy quản trị tốt;

+ Sự thống nhất cao trong tư tưởng nhận thức của CBCNV – đây là thuận lợi cơ bản;

+ Lợi thế không nhỏ của doanh nghiệp: Nước sạch là một mặt hàng thiết yếu không thể thiếu được, nhu cầu sử dụng ngày một tăng do tốc độ đô thị hóa cao. Đặc biệt, đây là hàng hóa mang tính dịch vụ công cộng, sản phẩm được người dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Bên cạnh đó, chi phí nguyên liệu đầu vào đối với sản xuất nước sạch không quá lớn. Các khoản đầu tư lớn nhất là xây dựng Nhà máy, mạng lưới đường ống, nhưng đây là tài sản cố định đầu tư một lần, khấu hao dần qua các năm. Một lợi thế nữa giá nước ít biến động nên doanh thu của các đơn vị cấp nước có tính ổn định cao.

2. Những thách thức:

Sau gần 3 năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty đã duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước sinh

hoạt, sản xuất cho nhân dân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh; hoàn thành tốt công tác phát triển cấp nước cho các xã nông thôn theo chủ trương xây dựng nông thôn mới của tỉnh; các nhà máy được cải tạo, nâng công suất, áp dụng công nghệ tiên tiến; sản xuất kinh doanh ổn định; các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; thu nhập, các chế độ chính sách đối với người lao động được đảm bảo; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và trách nhiệm với cộng đồng.

Ngày 28/12/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020. Theo đó, UBND tỉnh Thái Bình có quan điểm là nhà nước phải thoái hết phần vốn nhà nước trong doanh nghiệp. Công ty đã trình UBND đề nghị cho công ty được thoái vốn theo lộ trình dần vào các năm, tuy nhiên UBND tỉnh đã trình Chính phủ thoái một lần hết phần vốn nhà nước vào năm 2019.

Ngày 17/8/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1232/QĐ-TTg về việc phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Theo đó, Công ty cổ phần Nước sạch Thái Bình thực hiện thoái vốn hết phần vốn nhà nước (70%) vào năm 2017. Đây là thách thức lớn nhất đối với doanh nghiệp, cụ thể:

+ Áp lực đối với người lao động, lo lắng về việc làm, đời sống thu nhập do có thể sẽ thay đổi ngay hình thức sở hữu. Bởi vì, nếu bán một lúc hết phần vốn nhà nước ngay, cơ hội tham gia mua cổ phần của người lao động là rất khó khăn, chưa chuẩn bị đủ điều kiện tích lũy vốn, mặt khác nếu cá nhân một số ít người có số cổ phần đủ chi phối, thì trước sau số cổ phần của người lao động có được cũng bị thôn tính.

+ Không còn là công ty cổ phần mà sẽ là doanh nghiệp tư nhân hóa, gia đình hóa, tài sản nhà nước thành tài sản cá nhân một số ít người.

+ Cơ hội cho những hộ nhân dân ở những vùng sâu, xa được sử dụng nguồn nước sạch là rất khó khăn.

3. Một số kiến nghị, giải pháp:

Một trong những tư tưởng xuyên suốt các chủ trương, chính sách về CPH thời gian qua là “ưu tiên bán cổ phần cho người lao động” nhằm tạo điều kiện cho người lao động được sở hữu cổ phần, gắn bó và được làm chủ thực sự doanh nghiệp; Mục tiêu CPH DNNN hướng tới đa sở hữu doanh nghiệp, ngăn ngừa vẫn nạn tư nhân hóa; nhằm ổn định doanh nghiệp cũng như tình hình chính trị tại địa phương.

Đặc thù hệ thống cấp nước có mạng lưới đường ống chôn ngầm, chiều dài rất lớn; sản phẩm an sinh xã hội, hàng hóa bán cố định, bán trên hợp đồng,.. yêu cầu chất lượng dịch vụ phải tốt.

Về phía Công ty cổ phần nước sạch Thái Bình xin đề xuất một số giải pháp như sau:

1/ Khi CPH, thoái vốn tại doanh nghiệp cần được thực hiện theo lộ trình. Ví dụ như ở Thái Bình còn 70% nên thoái làm 2-3 lần;

2/ Nhà nước cần giữ lại một số cổ phần nhất định (10-20%), để tham gia, xử lý kịp thời các công việc mang tính xã hội, không vì lợi nhuận như cấp nước cho các vùng sâu, xa...

3/ Xem xét, sửa đổi một số chính sách ưu đãi:

- Tăng số lượng cổ phần bán cho người lao động;

- Tạo điều kiện hơn nữa cho những người lao động trẻ, có đủ trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp – những người lao động sẽ gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, thông qua việc cho họ được mua số cổ phần thích hợp với giá cả hợp lý, nếu họ cam kết làm việc lâu dài và có cống hiến cho doanh nghiệp.

- Nên ưu đãi bán cổ phần cho người lao động có thời gian làm việc tại doanh nghiệp cao hơn mức ưu đãi cho thời gian làm việc ở các cơ quan nhà nước.



CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH

Địa chỉ: Số 85, đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh

Điện thoại/Fax: 0222 385 8008

Email: thoatnuocbacninh@gmail.com; Web: thoatnuocbacninh.vn

QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH

THÁNG 11/2017

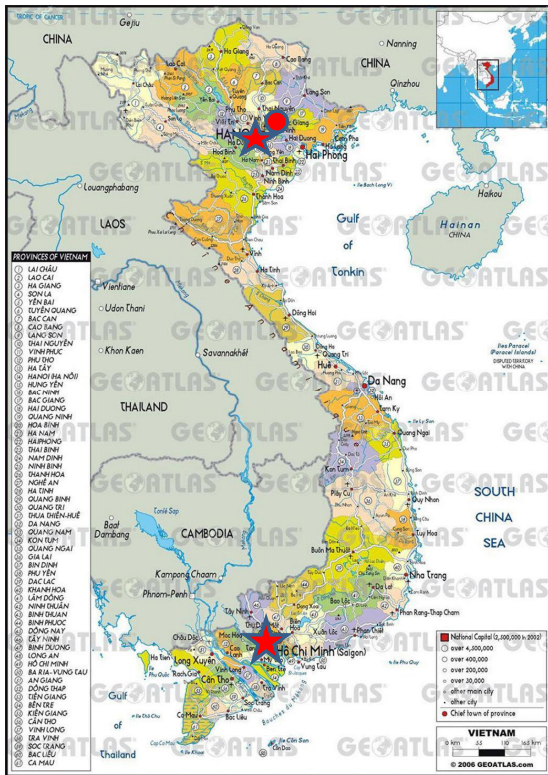
1

NỘI DUNG

- 1. Giới thiệu địa phương**
- 2. Giới thiệu Công ty**
- 3. Bối cảnh khi xây dựng kế hoạch CPH**
- 4. Quá trình CPH của công ty**
- 5. Những bài học kinh nghiệm của Công ty**

2

1. GIỚI THIỆU ĐỊA PHƯƠNG



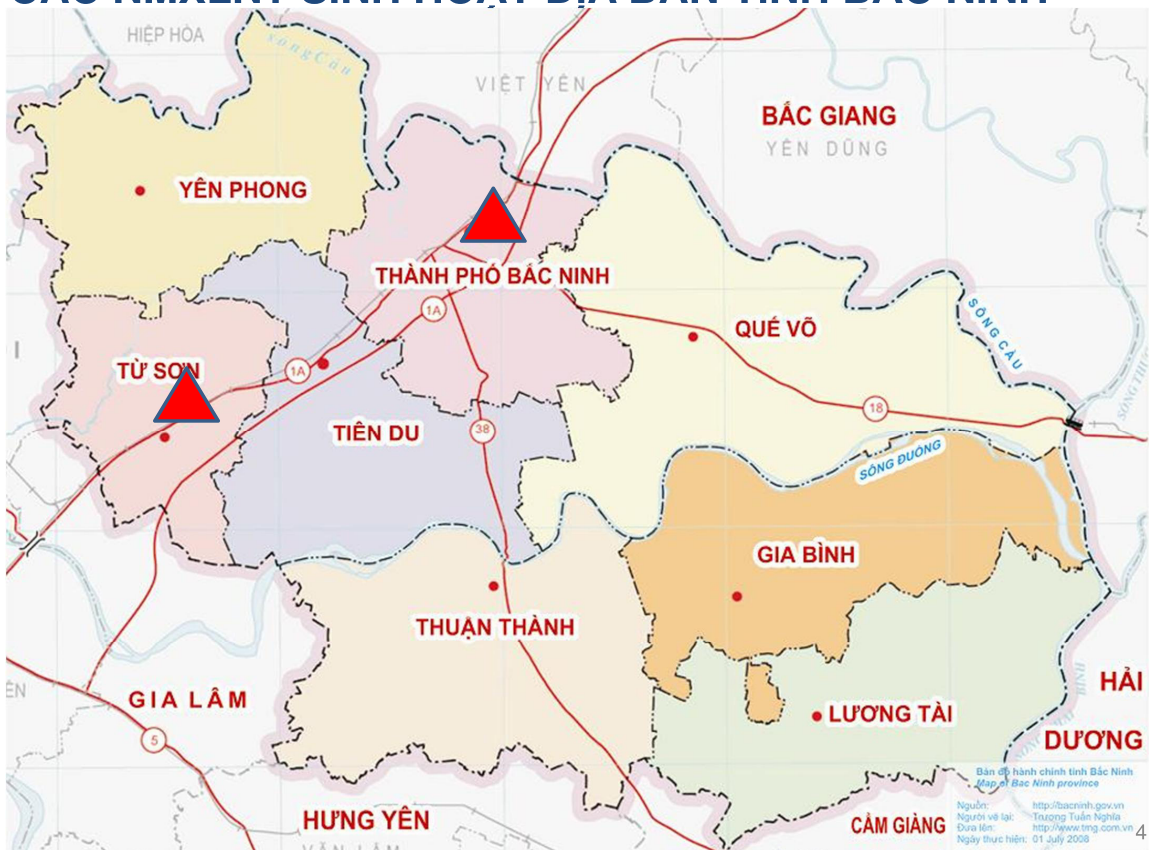
Tỉnh Bắc Ninh:

Diện tích: 822,7 km²
 Số huyện thị: 6 huyện, 1 thị xã, 1 TP
 Dân số: 1.154.660 người
 Thành thị: 28,6%
 Nông thôn: 71,4%
 Mật độ: 1.403 người/ km²

Thành phố Bắc Ninh:

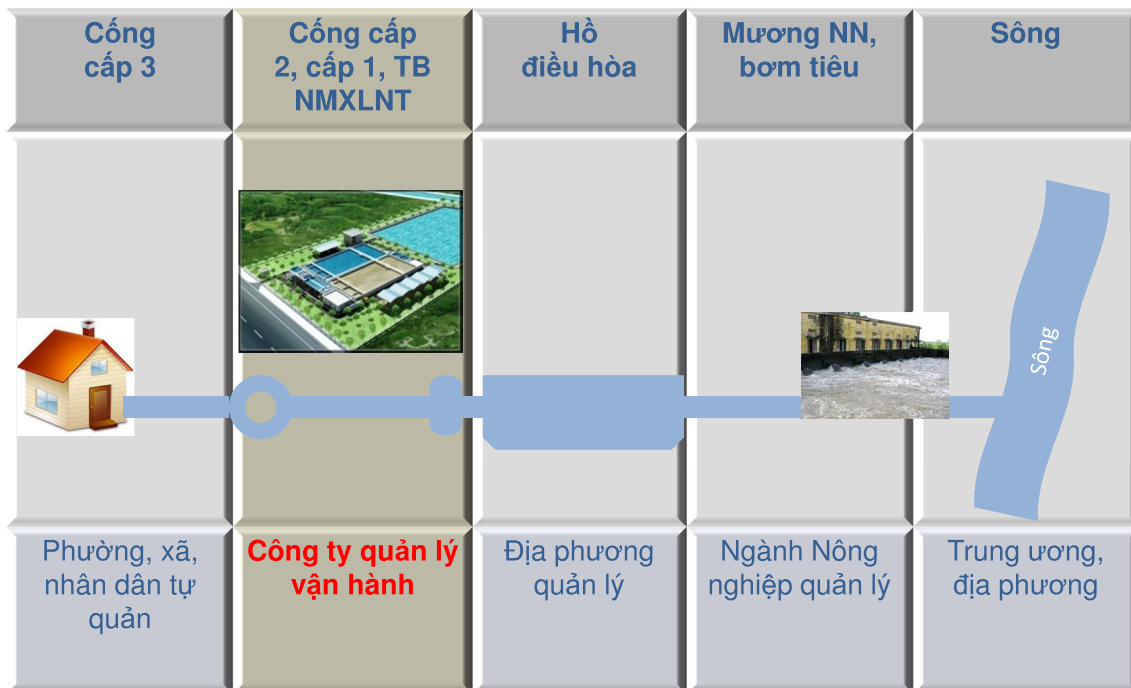
Diện tích: 82,6 km²
 Số xã/phường :16 phường, 3 xã
 Dân số 188.138 người
 Thành thị: 58,68 %
 Nông thôn: 41,32%
 Mật độ: 2.277 người/km²

CÁC NMXLNT SINH HOẠT ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH



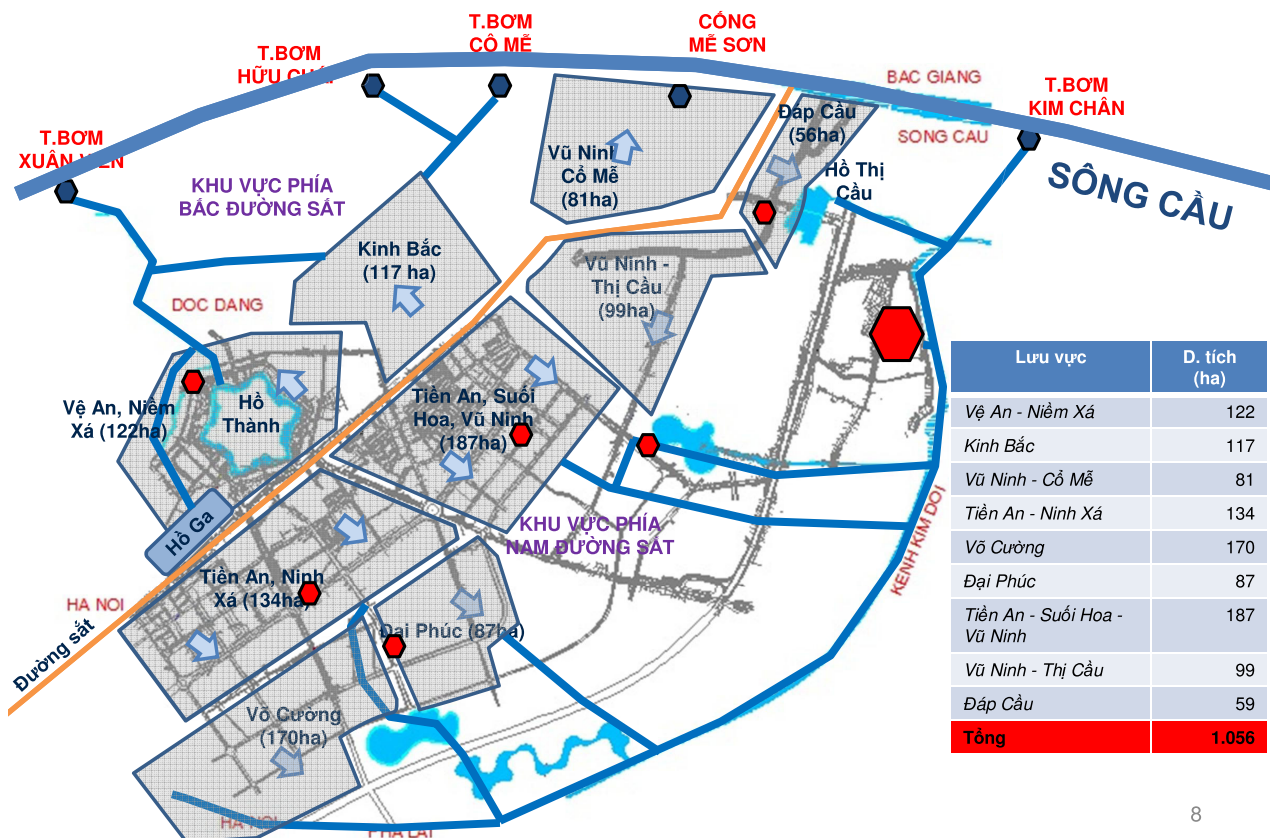
Bản đồ hành chính tỉnh Bắc Ninh
 Map of Bắc Ninh province
 Nguồn: Người vẽ lại: <http://bacninh.gov.vn>
 Trương Tuấn Nghĩa
 Dữ liệu: <http://www.ting.com.vn>
 Ngày thực hiện: 01 July 2009

PHẠM VI QUẢN LÝ VẬN HÀNH HTTN



7

LƯU VỰC THOÁT NƯỚC ĐANG QUẢN LÝ VẬN HÀNH



8

3. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CỔ PHẦN HÓA

- ❖ Bộ phận thoát nước vẫn trực thuộc Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh trước tháng 11/2015.
- ❖ Tỉnh Bắc Ninh còn 2 công ty 100% vốn nhà nước phải cổ phần hóa theo yêu cầu của Chính phủ (Cấp thoát nước, Môi trường CTĐT).
- ❖ Tỉnh Bắc Ninh đã thành lập Ban ĐM&PTDN chung cho cả tỉnh để thực hiện CPH các công ty 100% vốn NN (gồm: Lãnh đạo tỉnh và các Sở KHĐT, TC, TNMT, LĐTBXH, XD).
- ❖ Tỉnh Bắc Ninh đã thành lập Tổ công tác CPH tỉnh nhằm giúp việc cho Ban ĐM&PTDN tỉnh (gồm lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc các sở kể trên).

9

3. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CỔ PHẦN HÓA

- ❖ Các văn bản pháp lý chủ yếu sau đây có hiệu lực:
 - Văn bản 170/TTg-ĐMDN ngày 08/02/2012: Thủ tướng CP phê duyệt PA sắp xếp DN100% vốn NN tại BN.
 - Nghị định 59/2011/NĐ-CP, 116/2015/NĐ-CP: Chuyển DN 100% vốn NN sang doanh nghiệp cổ phần.
 - Nghị định 63/2015/NĐ-CP: Chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại doanh nghiệp.
 - Thông tư 196/2011/TT-BTC: HD bán cổ phần lần đầu, sử dụng tiền thu từ CPH DN 100% vốn Nhà nước.
 - Thông tư 127/2014/TT-BTC: HD xử lý tài chính và xác định giá trị DN khi CPH doanh nghiệp 100% vốn NN.
 - Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH: HD thực hiện chính sách đối với người lao động khi thực hiện NĐ59/2011.

10

3. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CỔ PHẦN HÓA

- ❖ Chính phủ điều chỉnh PA sắp xếp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BN (VB 6892/VPCP-ĐMDN ngày 01/9/2015 - cho phép tách và thành lập Công ty TNHH MTV Thoát nước và XLNT BN để cổ phần hóa).
- ❖ Công ty TNHH MTV TN&XLNT Bắc Ninh thành lập trên cơ sở tách từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh từ tháng 11/2015 (QĐ372 ngày 25/9/2015 của Tỉnh BN).
- ❖ Chính phủ chỉ đạo NN không nắm CP chi phối tại 2 Công ty cấp nước, thoát nước BN khi CPH (VB 9244/VPCP-ĐMDN ngày 10/11/2015).

11

4. QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

- ❑ **Ngày 03/12/2015:** UBND tỉnh BN ban hành QĐ 500 về việc CPH Công ty (yêu cầu hoàn thành xong trong quý II/2016).
- ❑ **Ngày 01/4/2016:** UBND tỉnh BN đã ban hành 2 QĐ 382; 178 phê duyệt giá trị doanh nghiệp và PA sử dụng đất.
- ❑ **Ngày 25/4/2016:** UBND tỉnh BN hành QĐ 465 phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược:
 - ❖ **Mục tiêu lựa chọn NĐT chiến lược:**
 - Cung cấp các giải pháp công nghệ, đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực quản lý quản lý vận hành HTTN...
 - Hỗ trợ đào tạo nhân lực, hoạch định chính sách phát triển thị trường...
 - Đảm bảo định hướng, quy hoạch phát triển ngành...

12

4. QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

❖ **Tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược:**

- Kinh nghiệm QLVH NMXLNT: 3 nhà máy c.suất thiết kế ≥ 28.000 m³/ngđ , vận hành liên tục tối thiểu 2 năm.
- Kinh nghiệm ĐTXD: 3 nhà máy, c.suất thiết kế ≥ 28.000 m³/ngđ .
- Vốn chủ sở hữu: ≥ 800 tỷ đồng.
- Nợ/vốn chủ sở hữu: $\leq 1,5$.
- Cam kết: Không chuyển nhượng CP, kế thừa PA sử dụng lao động... tối thiểu 5 năm.
- Đặt cọc: 10% giá trị CP đăng ký mua.

13

4. QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

❖ Số lượng NĐT chiến lược: ≤ 3 NĐT

❖ Số CP bán cho NĐT chiến lược: 65% vốn điều lệ

❖ **Phương thức, giá bán cho NĐT chiến lược:**

- Bán cho NĐT chiến lược trước.
- Giá do Ban ĐMPTDN tỉnh thỏa thuận trực tiếp trước khi đấu giá công khai.
- Nếu có hơn 1 NĐT chiến lược thì tổ chức đấu giá giữa các NĐT chiến lược

14

4. QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

- ❑ **Từ 28/5 đến 25/5/2017:** Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (đăng trên thông tin đại chúng, nhận hồ sơ, đánh giá, trình UBND tỉnh quyết định).
- ❑ **Ngày 30/6/2016:** UBND tỉnh BN đã ban hành QĐ 774 phê duyệt lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược và phương án chuyển đổi công ty:
 - ❖ **Vốn điều lệ:** 44,242 tỷ đồng (4,424 triệu CP, mệnh giá 10.000 đồng/CP; NN 22%, NĐTCL 65%, NLĐ 8,6%, đấu giá 4,4%)
 - ❖ **NĐT chiến lược:** Công ty CP ĐTXD&TM Phú Điền.

15

4. QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

- ❑ **Ngày 07/8/2016:** Ký kết hợp đồng mua bán cổ phần với NĐT chiến lược (giá thương thảo 10.000 đồng/CP)
- ❑ **Ngày 18/8/2016:** UBND tỉnh BN ban hành QĐ994 phê duyệt PA sử dụng lao động (4 LĐ dôi dư, 1 LĐ chấm dứt HĐ, kinh phí 384 triệu đồng)
- ❑ **Từ ngày 18/8/2016:** Bán CP cho người lao động
- ❑ **Ngày 06/9/2016:** Bán đấu giá CP ra công chúng (4,4%)
- ❑ **Ngày 21/10/2016:** UBND tỉnh BN ban hành QĐ 1297 cử người đại diện vốn NN và điều chỉnh lại cơ cấu vốn

16

4. QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

- ❑ **Ngày 24/12/2016:** Đại hội đồng cổ đông lần thứ I.
- ❑ **Ngày 23/02/2017:** Hoàn thành ĐK doanh nghiệp CP.
- ❑ **Ngày 02/6/2017:** UBCKNN đã chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.
- ❑ **Ngày 16/6/2017:** Bàn giao doanh nghiệp.
- ❑ **Hiện nay:** Đã lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với là 4.417.592 cổ phiếu.

17

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÔNG TY

- 1) UBND tỉnh BN ủng hộ và chỉ đạo sát sao, thiết thực, kịp thời.
- 2) Tỉnh đã thành lập Ban ĐM&PTDN và Tổ công tác CPH của Tỉnh để thực hiện công tác CPH của các DN 100% vốn NN trên địa bàn, không hình thành các Ban chỉ đạo CPH riêng khi thực hiện CPH của từng doanh nghiệp → Nhất quán trong chỉ đạo, điều hành và phát huy các kinh nghiệm của các đơn vị thực hiện CPH trước.
- 3) Công ty cần thành lập Ban chỉ đạo CPH của Công ty (Ban lãnh đạo, lãnh đạo tổ chức CTXH, trưởng bộ phận) để thực hiện, triển khai các nhiệm vụ.

18

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÔNG TY

- 4) Có rất nhiều văn bản pháp luật liên quan đến CPH doanh nghiệp 100% vốn NN cần nắm thật chắc ngay từ đầu, tránh làm sai quy định.
- 5) Lựa chọn đơn vị tư vấn CPH và tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Cần phải lựa chọn các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm thực sự. Giá trị của các hợp đồng này cũng không có quy định cụ thể.
- 6) Người lao động thường có tâm lý hoang mang, lo sợ (việc làm, chế độ sau CPH) → Cần tổ chức nhiều cuộc họp làm rõ, công bố thông tin.

19

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÔNG TY

- 7) Xác định giá trị doanh nghiệp phải chính xác. Vấn đề thường gặp là:
 - Tài sản của HTTN được đầu tư nhiều giai đoạn, nhiều dự án, khó xác định giá trị.
 - Tài sản của nhà nước có đưa vào tính giá trị hay không? (nhà máy, trạm bơm, cống...).
 - Xác định giá trị lợi thế khu đất khó, không có quy định.
- 8) Lưu ý: Sau khi có QĐ phê duyệt giá trị doanh nghiệp cần cân nhắc kỹ trước khi quyết định các hoạt động đầu tư phát triển doanh nghiệp.

20

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÔNG TY

- 9) Không có quy định về tiêu chí cụ thể trong lựa chọn NĐT chiến lược. Công ty cần cân nhắc kỹ và trao đổi với Ban ĐM&PTDN tỉnh trước khi trình duyệt.
- 10) Nên ưu tiên các Nhà đầu tư phù hợp với ngành nghề kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp CPH (năng lực kinh nghiệm, đã có giải các pháp kỹ thuật, công nghệ phù hợp, có khả năng về vốn).
- 11) Khi xây dựng phương án CPH nên có sự tham gia của NĐT chiến lược trong phần kế hoạch phát triển doanh nghiệp để phương án đảm bảo chính xác.

21

5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÔNG TY

- 12) Xây dựng phương án sử dụng lao động: Cần tính toán chính xác các chế độ chính sách cho người lao động. Nên có sự liên hệ trước với Vụ Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính tránh lập lại hồ sơ, ban hành lại quyết định của Tỉnh.
- 13) Xây dựng điều lệ công ty: Nên theo điều lệ mẫu và nên xây dựng chi tiết các điều khoản để lường trước các khả năng có thể xảy ra trong quá trình hoạt động lâu dài, tránh phải sửa lại nhiều lần (VD: tỷ lệ để ứng cử bầu HĐQT, tỷ lệ biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông...).

22



CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH

Địa chỉ: Số 85, đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh

Điện thoại/Fax: 0222 385 8008

Email: thoatnuocbacninh@gmail.com; Web: thoatnuocbacninh.vn



Tình hình Cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình

Một số vấn đề thực tiễn và kiến nghị

Đinh Ngọc Vân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình, thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý từ Một thành viên sang Cổ phần từ đầu năm 2014 và hoàn thành chuyển đổi sau 23 tháng (1/12/2015). Năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Khái quát về Công ty:

a. Quy mô:

- Tổng vốn điều lệ 150.800.000.000 đồng;
- + Vốn nhà nước: 140.277.600.000 đồng (93,02% vốn điều lệ,);
- + Vốn của người lao động trong doanh nghiệp: 8.752.400.000 đồng (5,81% vốn điều lệ, gồm 268 cổ đông là những người lao động tại Công ty);
- + Vốn của tổ chức công đoàn doanh nghiệp: 150.000.000 đồng (0,1% vốn điều lệ - 01 cổ đông là Công đoàn Công ty do Chủ tịch Công đoàn là người được ủy quyền đại diện);
- + Vốn của các nhà đầu tư khác: 1.620.000.000 đồng (1,07% vốn điều lệ tương đương 162.000 cổ phần); *trong đó vốn của Công đoàn doanh nghiệp là 1% vốn điều lệ.*
- Giá trị tài sản: 500 tỷ đồng; nợ phải trả 300 tỷ (vay WB); chi phí vốn cao nên hiệu quả thấp.
- Công ty có quy mô trung bình so với các doanh nghiệp trong ngành: (Công suất: 70.000 m³/ngđ , sản xuất 15 triệu m³/năm ; doanh thu 130 tỷ đồng/năm, lao động 330 người).
- Phạm vi cấp nước bao gồm cả đô thị và nông thôn (25 nhà máy và Trạm cấp nước) phục vụ nhu cầu nước sạch cho 70.000 đầu nôi (20.000 đầu nôi khu vực nông thôn). Sản phẩm của Công ty chủ yếu là phục vụ sinh hoạt của nhân dân, tỷ trọng nước cấp cho công nghiệp chỉ đạt 7%.

b. Đặc điểm:

- Sản xuất nhỏ, phân tán: Chỉ có 01 nhà máy công suất: 20.000 m³/ngđ, còn lại là các Trạm cấp nước quy mô 2.000 m³/ngđ- 3.000 m³/ngđ
- Công nghệ sản xuất, máy móc thiết bị đầu tư vào đầu năm 2000 nên đã lạc hậu; chi phí sản xuất cao, hiệu quả thấp.

2. Những kết quả đạt được

Sau 02 năm chuyển đổi doanh nghiệp, Công ty cổ phần Cấp thoát nước vẫn hoạt động ổn định: tăng trưởng hàng năm đạt 12%; việc làm của người lao động

được đảm bảo, thu nhập người lao động 5,8 triệu đồng/tháng); Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước (nộp ngân sách 6,5 tỷ đồng/năm), vốn nhà nước được bảo toàn. Năm 2016, hệ số Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 0,52%, Lợi nhuận trên tổng tài sản là 0,22%; tài sản công ty tăng 9,9%, trong đó tài sản cố định tăng 18%; hệ số Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 1,79 lần. Dự kiến năm 2017, Công ty vẫn duy trì mức tăng trưởng trên 12%.

Tuy nhiên do hoạt động chủ yếu bằng vốn vay, chi phí vốn cao nên hiệu quả thấp, cổ tức chỉ đạt 30 đ/cổ phiếu.

Như vậy, mặc dù ổn định sản xuất nhưng doanh nghiệp chưa đáp ứng được mục tiêu mong muốn của Cổ phần hóa.

Nguyên nhân:

- Công ty chuyển đổi mô hình song chỉ là hình thức: Công ty đã sắp xếp lại tổ chức và lao động song không tạo sự đột phá (Cổ đông nhà nước chiếm 93%, số cổ đông tuy đông - 279 cổ đông song chủ yếu là lao động của Công ty). Nhiều chủ sở , song chủ sở hữu không có năng lực về tài chính và cũng không có khả năng để thay đổi quản trị, để đổi mới công nghệ. **CPH mới tạo ra thay đổi về hình thức mà chưa thay đổi về chất để tạo cú hích cho doanh nghiệp. Như vậy chủ trương cổ phần hóa với hình thức đa sở hữu đối với doanh nghiệp ngành nước là cần thiết.**

- Chất lượng Nguồn nhân lực được cải thiện không đáng kể (cũng không phải do cổ phần hóa mà nâng cao): Người lao động vẫn mang tâm lý **Người nhà nước**.

- Hoạt động của doanh nghiệp vẫn bị can thiệp, áp đặt nhiều từ các cơ quan quản lý nhà nước: việc cấp nước cho nhiều khu vực không có hiệu quả, doanh nghiệp thực hiện song không được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định. **Doanh nghiệp sau khi chuyển đổi vẫn không được đối xử bình đẳng** như các doanh nghiệp khác cùng hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch.

Đánh giá:

- Mục tiêu cổ phần hóa nhằm nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới quản trị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp không đạt được.

- Lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động không được quan tâm đầy đủ và công bằng: doanh nghiệp bù giá cho các khu vực vùng sâu, vùng xa. **Cổ đông là người lao động trong công ty thiệt thòi khi đầu tư cổ phần vào doanh nghiệp mang tính dịch vụ công ích.**

- Việc huy động vốn của các nhà đầu tư chiến lược không thành công nên đối với những doanh nghiệp yếu kém thì tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp không được khắc phục và không tạo ra sự đột phá nhờ chuyển đổi mô hình.

3. Những khó khăn thách thức trong cổ phần hóa và thoái vốn đối với doanh nghiệp ngành cấp nước (không nên chỉ giới hạn vấn đề CPH mà cần gắn với thoái vốn vì hiện nay các doanh nghiệp ngành nước đang tập trung vào thoái vốn)

- **Cần coi đây là lĩnh vực kinh doanh đặc thù** (*sản xuất sản phẩm đặc biệt đối với sức khỏe cộng đồng*) nên cần có quy định phù hợp để ràng buộc chủ đầu tư vào doanh nghiệp hoạt động cấp nước thực hiện các cam kết và trách nhiệm với cộng đồng (cần có quy định tiêu chí cụ thể để lựa chọn nhà đầu tư).

- Rất nhiều doanh nghiệp ngành nước đều vay vốn ODA, vốn vay được chính quyền địa phương bảo lãnh, nay thoái vốn nhà nước thì vấn đề bảo lãnh vốn vay ODA chưa được làm rõ; **chính quyền địa phương không thể bảo lãnh vốn vay cho doanh nghiệp ngoài nhà nước**; như vậy sẽ ảnh hưởng đến lộ trình thoái vốn tại QĐ số 1232/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Vấn đề này cần được quan tâm để tăng cường khả năng thu hút nguồn lực tài chính của doanh nghiệp.

- **Nhà nước mới chỉ nhấn mạnh đến bảo vệ quyền lợi của nhà nước mà chưa có thiết chế đảm bảo quyền lợi của các cổ đông nhỏ**: nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy quyền làm chủ đối với quản trị doanh nghiệp, chúng ta bán cổ phần ưu đãi theo thời gian công tác và theo vị trí công việc, thời gian cam kết làm việc tại doanh nghiệp. Song giữ cổ phần quá nhỏ nên thực tế họ không có tác động gì đến hoạt động của doanh nghiệp. Với thu nhập ít ỏi họ phải dành dụm mua cổ phần khi chúng ta vận động (*wu đăi*) và đó là một gia tài lớn với người lao động (Trung bình tại Công ty mỗi người lao động mua 50 triệu đồng cổ phiếu), nhưng nếu muốn bán cổ phần cũng không được, chủ doanh nghiệp không muốn mua lại; bán trên sàn thì không có ai mua? Vì vậy, tại văn bản số 203/TB-VPCP ngày 25/4/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016-2020 chỉ đạo Bộ Tài chính hoàn thiện đề án, tôi đề nghị bổ sung vào mục tiêu của đề án nội dung này: (**đảm bảo lợi ích của nhà nước và của cổ đông là người lao động trong doanh nghiệp**).

- **Đảm bảo việc làm cho người lao động nhất là lao động nữ**: trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất; một bộ phận không nhỏ người lao động không thể đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Đặc biệt trong ngành cấp nước là ngành nhiều lao động nữ.

4. Kiến nghị

Từ những hạn chế trong cổ phần hóa tại Công ty, để tiếp tục thoái vốn đạt hiệu quả mong muốn, chúng tôi kiến nghị: Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước là lĩnh vực đặc thù cung cấp thực phẩm đặc biệt cho nhân dân đồng thời góp phần quan trọng để nhân dân vùng sâu, vùng xa tiếp cận với nước sạch góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm nghèo bền vững thì Nhà nước cần có những

quy định riêng để đáp ứng được yêu cầu thoái vốn đồng thời đảm bảo các yêu cầu an sinh xã hội.

- **Không nên thoái 100% vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp ngành nước:** Nhà nước nên giữ tối thiểu 36% cổ phần để đảm bảo sự can thiệp kịp thời của nhà nước đối với những quyết định của doanh nghiệp khi không đảm bảo yêu cầu an sinh xã hội và an toàn nước sạch.

- **Nhà nước thực hiện đúng nguyên tắc thị trường về giá nước** và trợ giá đối với những vùng khó khăn để người nghèo được tiếp cận với nước sạch.

- **Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn vay ODA** để đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư vì tại các Ninh Bình tỷ lệ người dân dùng nước máy sạch đạt mới ở mức 50%; mục tiêu đến năm 2020 phấn đấu 90 % dùng nước sạch sẽ khó thực hiện.

- Quy định tại văn bản số 7627/VPCP-ĐMDN ngày 20/7/2017, về việc phương án sử dụng đất khi phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước **yêu cầu doanh nghiệp trình cơ quan nhà nước phải có phương án sử dụng đất được phê duyệt** vừa phát sinh thủ tục cho doanh nghiệp vừa không tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát huy nguồn lực (đất đai) để phát triển (*Doanh nghiệp được quyền kinh doanh những gì nhà nước không cấm*). Và như vậy dễ tạo ra những trường hợp gây khó hoặc lách luật đối với doanh nghiệp và cơ quan quản lý. *Ví dụ, Công ty có thể xây trụ sở làm việc kết hợp với Văn phòng cho thuê?*

Trên đây là một số ý kiến từ thực tiễn của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Ninh Bình, chúng tôi xin mạnh dạn chia sẻ tại hội thảo./.